

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết

Cơ sở: “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam”

**Địa điểm: Khu công nghiệp Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc,
Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BTNMT ngày 05/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định và hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký: Quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Xác nhận vào trang phụ bìa báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường ngày 11/8/2014 đối với cơ sở: “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam”;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở: “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam” đã được chỉnh sửa, bổ sung;



Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 1381 /TTr-CCMT ngày 30 /12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của cơ sở “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam” (sau đây gọi là Cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, công suất hoạt động của cơ sở:

- Diện tích mặt bằng: 30.000 m².

- Sản lượng: mạch điều khiển tích hợp: 33.000.000 chiếc/năm; thiết bị điện tử: 187.000.000 chiếc/năm; robot công nghiệp: 6 bộ/năm

- Vị trí cơ sở: Khu công nghiệp Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường. Cụ thể như sau:

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình vận hành của cơ sở phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT (Khu vực thông thường) về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) về độ rung.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt của cơ sở phải được thu gom và xử lý sơ bộ đạt quy chuẩn của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc và được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghệ cao Hòa Lạc để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN

40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2.3. Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh đảm bảo không ảnh hưởng có hại đến môi trường sống xung quanh. Trường hợp có sự cố môi trường và hiện tượng bệnh dịch, chủ cơ sở phải chủ động xử lý, đồng thời báo cáo ngay với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan kiểm tra, giám sát.

2.4. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.5. Trong thời hạn tối đa là 06 tháng kể từ ngày ký Quyết định này phải hoàn thành việc xây dựng, thử nghiệm và nghiệm thu các biện pháp công trình bảo vệ môi trường; chỉ được phép đưa công trình bảo vệ môi trường vào hoạt động chính thức sau khi đã được cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết này kiểm tra và cấp giấy xác nhận.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu nội dung hoạt động của cơ sở, nội dung của đề án có thay đổi, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Giao Chi cục bảo vệ môi trường Hà Nội thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện Thạch Thất, Ban Quản lý Công nghệ cao Hòa Lạc, Giám đốc Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở
- PGĐ Sở Phạm Văn Khánh;
- Lưu: VT, CCMT(2).

MHS.27552.ccm

TU.UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh



Số: 6332/STNMT-CCMT

V/v hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH điện tử Noble”

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nhận được công số 80/2015/MT-Noble ngày 20/6/2015 của Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam về việc báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam” tại Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội.

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

- Căn cứ Quyết định số 1172/QĐ-STNMT ngày 30/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết cơ sở “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam” tại Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội ;

- Căn cứ Biên bản kiểm tra cơ sở ngày 21/ 7/2015 tại tại Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội .

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam đã đầu tư xây dựng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 1172/QĐ-STNMT ngày 30/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, cụ thể như sau:

- Xây dựng mạng lưới thu gom nước mưa xung quanh nhà máy, tách riêng với hệ thống thu gom nước thải và thải vào kênh thoát nước chung của khu vực;

- Đối với nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng 3 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích: tại khu văn phòng 9,057m³, khu nhà xưởng 1: 12,250 m³, khu nhà xưởng 2: 21,397m³. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được đưa về hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghệ cao.

- Chất thải nguy hại đã được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và ký hợp đồng số 159-15/HĐ/MTX-NOBLE về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại môi trường xanh có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Công ty đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.000369.T (cấp lần 2) do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 30/01/2015.

- Chất thải rắn thông thường được thu gom, lưu giữ và ký hợp đồng mua bán phế liệu tái chế số 1304HĐ/CN với Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Bình Minh có chức năng vận chuyển xử lý, hợp đồng số NEW-NNW-01092014 với Công ty Cổ phần NANIWA Metals về việc bán lại các phế liệu điện tử.

- Trang bị hệ thống báo cháy và các phương tiện phòng chống cháy nổ.

- Xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị thông gió.

2. Công ty TNHH điện tử Noble có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

- Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Vận hành các công trình xử lý chất thải theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành. Toàn bộ nước thải sinh hoạt của cơ sở được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu vào trạm xử lý nước thải của khu công nghệ cao. Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty TNHH điện tử Noble nghiêm túc thực hiện các yêu cầu nêu trên và báo cáo định kỳ về Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội, Ban QL khu công nghệ cao Hòa Lạc, Phòng Tài nguyên và Môi trường Thạch Thất theo quy định về việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (để b/c) ;
- UBND huyện Thạch Thất;
- Lưu: VT, CCMT (2).



Phạm Văn Khánh

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: **01.000369.T**
(cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: **Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam**

Địa chỉ văn phòng: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hoà Lạc (Km 29, đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Hà Nội)

Điện thoại: 04.33688525 Fax: 04.33688521

Tài khoản số: H15-795-002855 tại Ngân hàng Mizuho – Chi nhánh Hà Nội

Giấy chứng nhận đầu tư số: 012043000039

Ngày cấp: 14/4/2011 (chứng nhận lần đầu). Nơi cấp: Ban Quản lý khu công nghệ cao Hoà Lạc

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm qui định tại Điều 25 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3. Các trách nhiệm khác:

Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi có sự thay đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 01.000369.T do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 1 ngày 01/6/2010./.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu CCMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Khánh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.000369.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 2 ngày 30 tháng 01 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam

Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hoà Lạc (Km 29, đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Hà Nội).

Điện thoại: 04.33688525

Fax: 04.33688521

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

T T	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	24	080204
2	Dầu máy gốc khoáng không chứa hợp chất halogen đã qua sử dụng	Lỏng	168	070302
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	24	160106
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	2,4	190601
5	Các loại dung môi và hỗn hợp các loại dung môi thải khác	Lỏng	1,2	170803
6	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	30	180201
7	Bao bì thải bằng kim loại có nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	48	180102
8	Bao bì thải bằng nhựa có nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	15	180103
	Tổng cộng		312,6	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	Rắn	84.000
	Tổng cộng		84.000

4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không có**5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 434 /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 910/CNCHL-QHXDMT ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Khu công nghệ cao Hoà Lạc - Phần thực hiện bằng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc, địa chỉ tại Km 29, Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghệ cao Hoà Lạc - Phần thực hiện bằng vốn vay ODA Nhật Bản tại xã Tân Xã, Hạ Bằng, Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Khu công nghệ cao Hoà Lạc - Phần thực hiện bằng vốn vay ODA Nhật Bản.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tân Xã, Hạ Bằng, Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
- 1.3. Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 10/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
- 1.4. Mã số thuế: 0110671850.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghệ cao, gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm:

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
1	Sản xuất hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sợi nhân tạo	C20
2	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
3	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
4	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	C23960
5	Đúc kim loại	C243
6	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C25 (trừ C2593)
7	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
8	Sản xuất thiết bị điện	C27
9	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
10	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
11	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
12	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
13	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
14	Điện mặt trời	D35116
15	Điện khác	D35119
16	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	D3530
17	Thoát nước và xử lý nước thải	E37
18	Xây dựng nhà các loại	F41
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	F42 (trừ các ngành có mã: F4211, F4291, F4292, F4293)
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	F43
21	Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	G47
22	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
23	Dịch vụ lưu trú	I55
24	Dịch vụ ăn uống	I56
25	Xuất bản phần mềm	J582
26	Hoạt động chiếu phim	J5914
27	Hoạt động truyền hình và cung cấp chương trình thuê bao	J602
28	Viễn thông	J61
29	Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	J620
30	Hoạt động dịch vụ thông tin	J63
31	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	K64
32	Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)	K65
33	Hoạt động tài chính khác	K66
34	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L68
35	Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	M70
36	Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật	M71

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
37	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	M72
38	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	M74
39	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	N773
40	Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm	N78
41	Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	N82
42	Giáo dục và đào tạo	P85
43	Hoạt động y tế	Q86
44	Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác	R91
45	Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí	R93
46	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	U99

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 1.036 ha, thuộc phạm vi 1.586 ha của toàn Khu công nghệ cao Hòa Lạc theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu công nghệ cao Hòa Lạc đến năm 2030, trong đó:

+ Khu giáo dục và đào tạo: Lô DT1 và DT2.

+ Khu nghiên cứu và triển khai: Các Lô từ RD1 đến RD10; RD11-3.

+ Khu phần mềm: Các Lô từ PM1 đến PM3.

+ Khu Công nghiệp công nghệ cao: Các Lô từ CN1-1 đến CN1-4; CN1-8; CN1-9.

+ Khu trung tâm: Các Lô từ TT1 đến TT6.

+ Khu hỗn hợp: Các Lô từ HH1 đến HH5.

+ Khu nhà ở: bao gồm các lô ký hiệu: Các Lô từ NO1 đến NO5.

+ Khu giải trí và thể dục thể thao: Lô TD.

+ Hồ Tân Xã và vùng đệm: Lô H1; từ Lô H3 đến H6.

+ Công trình giao thông và các công trình đầu nối hạ tầng kỹ thuật: 149,2 ha trong tổng số 220,55 ha công trình giao thông và các công trình đầu nối hạ tầng kỹ thuật của toàn bộ Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

+ Cây xanh (cây xanh tập trung và cây xanh theo hạ tầng kỹ thuật chung): 98 ha trong tổng số 149,37 ha cây xanh của toàn bộ Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 22. tháng 10. năm 2024 đến ngày 21 tháng 10 năm 2031).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Hà Nội (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;
- Lưu: VT, KSONMT, Q12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Căn cứ vào thực tế thu gom và xử lý nước thải bao gồm toàn bộ nước thải phát sinh trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc (khu vực phía Bắc Đại lộ Thăng Long), vì vậy các nguồn phát sinh nước thải gồm:

- Nguồn số 01: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu giáo dục và đào tạo (ký hiệu: DT).
- Nguồn số 02: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu nghiên cứu và triển khai (ký hiệu: RD).
- Nguồn số 03: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu phần mềm (ký hiệu: PM).
- Nguồn số 04: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu Công nghiệp công nghệ cao (bao gồm các Lô ký hiệu: CN 1-1 đến CN 1-11).
- Nguồn số 05: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu trung tâm (ký hiệu: TT).
- Nguồn số 06: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu hỗn hợp (bao gồm các Lô ký hiệu: HH1 đến HH5).
- Nguồn số 07: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu nhà ở (bao gồm các Lô ký hiệu: NO1 đến NO5).
- Nguồn số 08: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu giải trí và thể dục thể thao (ký hiệu: TD).
- Nguồn số 09: Phòng thí nghiệm.
- Nguồn số 10: Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 11: Khu văn phòng, điều hành và khu hạ tầng kỹ thuật.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Vực Giang thuộc địa phận xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2.323.624,25; Y = 557.405,51 (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6.000 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ Đơn nguyên số 01 có công suất xử lý 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) tự chảy qua mương quan trắc, sau đó theo đường cống ngầm và cống hộp đôi xả ra suối Vực Giang. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_r = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		Đã lắp đặt
3	COD	mg/l	60,75		Đã lắp đặt
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5		Đã lắp đặt
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		Đã lắp đặt
6	Màu	Pt/Co	50		-
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3		-
8	Asen	mg/l	0,04		-
9	Thủy ngân	mg/l	0,004		-
10	Chì	mg/l	0,081		-
11	Cadimi	mg/l	0,04		-
12	Crom (VI)	mg/l	0,04		-
13	Crom (III)	mg/l	0,162		-
14	Đồng	mg/l	1,62		-
15	Kẽm	mg/l	2,43		-
16	Niken	mg/l	0,162		-
17	Mangan	mg/l	0,405		-
18	Sắt	mg/l	0,81		-
19	Tổng xianua	mg/l	0,057		-
20	Tổng phenol	mg/l	0,081		-
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		-
22	Sunfua	mg/l	0,162		-
23	Florua	mg/l	4,05		-
24	Tổng Nitơ	mg/l	16,2		-
25	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24		-
26	Clorua	mg/l	405		-
27	Clo dư	mg/l	0,81		-
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		-

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	03 tháng/lần	-
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		-
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,04	01 năm/lần	-
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243		-
33	Tổng PCB	mg/l	0,002		-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải từ Nguồn số 01 đến số 08 được thu gom bằng các tuyến cống ngầm bê tông cốt thép, ống gang dẻo áp lực và được bơm cưỡng bức về Đơn nguyên số 01 có công suất xử lý 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ Nguồn số 09 và số 10 theo đường ống thu gom về Đơn nguyên số 01 có công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ Nguồn số 11 được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại, sau đó theo đường ống thu gom về Đơn nguyên số 01 có công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ):

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) được xây dựng từ vốn vay ODA Nhật Bản, gồm 06 Đơn nguyên có công suất xử lý 6.000 m³/ngày (24 giờ)/Đơn nguyên. Hiện tại, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc chỉ vận hành Đơn nguyên số 01 trong tổng số 06 Đơn nguyên để phù hợp với khối lượng nước thải phát sinh trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Hồ thu gom → Máy tách rác → Mương lắng cát → Giếng bơm → 01 Bể tiếp nhận → Đơn nguyên số 01 (01 Bể lắng sơ cấp → 01 Bể kỵ khí → 04 Bể thiếu khí nổi tiếp → 05 Bể hiếu khí nổi tiếp → 01 Bể lắng cuối) → Bể khử trùng → Mương quan trắc (Sử dụng chung với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ)) → Suối Vực Giang.

- Công suất thiết kế của Đơn nguyên số 01: 6.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO, NaOH, Polymer C, Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ): Được xây dựng bằng nguồn vốn trong nước, không vận hành do không đủ nước thải để xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Bể lắng cát ngang → Bể điều hòa → Bể Aeroten → Bể lắng thứ cấp → Bể kiểm tra chất lượng nước → Bể khử trùng → Mương quan trắc (Sử dụng chung với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ)) → Suối Vực Giang.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO, Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Số lượng đã lắp đặt: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Tại Mương quan trắc nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) và 6.000 m³/ngày (24 giờ) trước khi xả thải vào suối Vực Giang.

- Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, DO, TSS, COD và Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ): Đã xây dựng 01 Mô-đun xử lý nước thải trong trường hợp nước thải đầu vào có các thông số kim loại nặng không đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải tại Bể điều hòa của Cụm tiền xử lý thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) → Bể sự cố (Thể tích khoảng 2.341 m³ bằng bê tông cốt thép) → Bể khuấy trộn khử Cr, kim loại nặng → Bể phản ứng 1 → Bể điều chỉnh pH, sục khí → Bể khuấy trộn Polymer → Bể lắng tấm nghiêng → Bể khuấy trộn NaClO, điều chỉnh pH → Bể phản ứng 2 → Bể Aeroten của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂SO₄, Na₂CO₃, phèn sắt (FeSO₄), Polymer, NaClO, Methanol.

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ): Sử dụng các bể của 05 đơn nguyên chưa hoạt động làm công trình ứng phó sự cố.

1.4.2. Quy trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không áp dụng cho Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) do hệ thống này không vận hành. Quy trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cho Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) như sau:

- Trường hợp Đơn nguyên số 01 gặp sự cố không thể vận hành, nước thải đầu vào sẽ

được bơm về lưu giữ tại các bể của 05 Đơn nguyên chưa hoạt động. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ các bể của 05 Đơn nguyên được dẫn lại về Đơn nguyên số 01 để xử lý.

- Ban hành tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc, buộc các cơ sở hoạt động trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải sau xử lý sơ bộ của các cơ sở hoạt động trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo nước thải phải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghệ cao Hòa Lạc. Trường hợp nước thải sau xử lý sơ bộ của các cơ sở có thông số kim loại nặng vượt giới hạn tiếp nhận sẽ không được thu gom, xử lý.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát thường xuyên nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của cơ sở thứ cấp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc - Phần thực hiện bằng vốn vay ODA Nhật Bản (do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đề xuất sau khi được cấp giấy phép môi trường):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300
5	COD	mg/l	400
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Asen	mg/l	0,04
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,04
11	Crom (VI)	mg/l	0,04
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
18	Tổng xianua	mg/l	0,057
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
24	Tổng Nitơ	mg/l	40
25	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	405
27	Clo dư	mg/l	1
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,04
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,002
31	Coliform	MPN/100ml	30.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
34	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH ⁽¹⁾
35	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH ⁽¹⁾
36	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH ⁽¹⁾

Ghi chú: ⁽¹⁾: Chỉ áp dụng đối với nước thải từ các cơ sở khám chữa bệnh, bệnh viện, cơ sở đào tạo và nghiên cứu có thực hiện các xét nghiệm về y học trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Đơn nguyên số 01 có công suất xử lý 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất xử lý 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Hồ thu gom chung của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Cửa xả nước thải sau xử lý ra suối Vực Giang.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ)

theo giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ)) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp) sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc (khu vực phía Bắc đường Đại lộ Thăng Long) để xử lý theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm nêu tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghệ cao Hoà Lạc - Phần thực hiện bằng vốn vay ODA Nhật Bản.

3.3. Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc theo quy định của pháp luật, trong đó có tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải để xử lý theo đúng nội dung đã đề xuất trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn sự cố nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thời hạn hoàn thành trước ngày 31/10/2024.

3.4. Thu hút các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc, đảm bảo theo đúng phân khu chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.8. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc

nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31/12/2024, sau thời gian này chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục theo quy định của pháp luật.

3.9. Trường hợp Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có nhu cầu đưa Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) vào vận hành hoặc các đơn nguyên xử lý nước thải khác thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) vào vận hành, thì phải lập thủ tục cấp lại giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

3.10. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *vt*

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Hồ bơm nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 02: Bể chứa bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 03: 02 máy ép bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 04: Bể lắng sơ cấp của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 Dòng khí thải tương ứng với ống thải của Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ), thực hiện xử lý khí thải từ Nguồn số 01 đến số 04, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2.323.811; Y = 557.252.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°)

Vị trí xả khí thải trong phạm vi Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Tân Xã, Hạ Bằng và Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24/24 giờ trong quá trình vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn: QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (hệ số Kp = 1,0; Kv = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	15 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5 ⁽²⁾		
3	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50 ⁽²⁾		

Ghi chú:

⁽¹⁾: Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

⁽²⁾: Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (hệ số $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ Nguồn số 01 đến Nguồn số 04 được thu gom bằng đường ống về Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi hôi) → Quạt hút → Tháp hấp thụ 1 → Tháp hấp thụ 2 → Ống thải → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và dự phòng thiết bị thay thế cho công trình xử lý khí thải; vận hành công trình xử lý khí thải theo đúng quy trình hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Niêm yết bản tóm tắt quy trình vận hành công trình xử lý khí thải tại khu vực xây dựng, lắp đặt công trình để cán bộ kỹ thuật thực hiện vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, khẩn trương tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải của Hệ thống xử lý mùi, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc phải giám sát các chất ô nhiễm đối với khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống

xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả ra ngoài môi trường) trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.7. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy bơm nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 02: Máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 03: Máy bơm bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 04: Máy ép bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 05: Máy bơm hóa chất khử trùng của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 06: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 07: Quạt hút của Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2.323.883; Y = 557.273.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2.323.660; Y = 557.198.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 2.323.684; Y = 557.183.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 2.323.665; Y = 557.160.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 2.323.636; Y = 557.244.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 2.323.628; Y = 557.129.
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 2.323.811; Y = 557.252.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰00', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thiết kế các bộ phận giảm âm và thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây ra độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	91.250
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	50
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	50
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	100
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	20
Tổng khối lượng			91.590

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sinh khối thực vật	35.000
2	Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa	80.000
Tổng khối lượng		115.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải phát sinh từ văn phòng:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	7,5
2	Giấy viết loại, bìa carton, gỗ	0,5
Tổng khối lượng		8,0

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại số 01: Lưu giữ các loại chất thải nguy hại, trừ bùn thải.

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: 15 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho bố trí tại tầng 1 nhà ép bùn. Kho có mái che, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố ga thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.1.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại số 02: Lưu giữ bùn thải từ xử lý nước thải công nghiệp:

- Thiết bị lưu chứa: Được lưu chứa tại bể xả của máy ép bùn.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: 40 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho bố trí tại tầng 1 của nhà ép bùn. Kho có mái che, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, có rãnh thu gom nước rò rỉ, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không bố trí. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thực hiện nạo vét bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa, cắt tỉa cây xanh và vận chuyển chất thải đem đi xử lý theo quy định (không lưu chứa tại cơ sở).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng:

Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có nắp đậy, được bố trí tại các khu vực có phát sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày..... tháng..... năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng hồ sơ cố để phòng ngừa, ứng phó sự cố cho Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ), đảm bảo lưu giữ nước thải chưa qua xử lý trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung ngừng hoạt động.

- Thực hiện các biện pháp xử lý, giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải gây ra đến môi trường xung quanh trong quá trình xây dựng hồ sơ cố cho Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ), đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại khoản 3 và 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh trong khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

Số: 27 /TĐ-PCCC

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Kính gửi: Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam.

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 09/TĐ-PCCC/NB ngày 20/01/2026 của Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam;

Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an thành phố Hà Nội thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH

1. Công trình: Cải tạo, bổ sung hệ thống PCCC nhà xưởng 1, nhà xưởng 2 thuộc Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam.

2. Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, TP Hà Nội.

3. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam.

4. Địa chỉ của chủ đầu tư: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, TP Hà Nội.

5. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH TM&XD Lê Phan.

II. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; văn bản tự thẩm định thiết kế về PCCC của Chủ đầu tư).

III. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

- Quy mô: Xây dựng nhà xưởng 1 01 tầng diện tích khoảng 3182,1 m², chiều cao tính đến đỉnh mái 7,64m; Nhà xưởng 2 01 tầng diện tích khoảng 3986,5 m², chiều cao tính đến đỉnh mái 7,64m và các hạng mục phụ trợ.

- Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy;

- Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; bình chữa cháy.
- Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.
- Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy bao gồm: Thiết bị bảo vệ và nguồn điện cấp cho hệ thống PCCC.
- Danh mục hồ sơ thiết kế: *(Thuyết minh thiết kế: Quyển A4; Bản vẽ thiết kế: FA-01 đến FA-10, FF-01 đến FF-13, CTLD-CC-01 đến CTLD-CC-03, EX-01 đến EX-10, CD-01 đến CD-03).*

Văn bản này ghi nhận kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy *(theo các nội dung tại mục IV văn bản này)* để phục vụ thi công, nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình. Không có giá trị về quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch, xây dựng và các yêu cầu khác không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Chủ đầu tư chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Thiếu tướng Nguyễn Hồng Kỳ - PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
(để báo cáo)
- Đội CC&CNCH khu vực số 6;
(để theo dõi)
- Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP Hà Nội, UBND xã Hòa Lạc;
(để phối hợp)
- Lưu: PC07, Đ2_(Phiên).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Nguyễn Tuấn Dương

Trả KH



EVNHANOI

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Số: 261910014/ EVN HANOI /HĐMBĐNMĐSH

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVNHANOI)

ỦY QUYỀN THỰC HIỆN: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẤT

Và

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM



MÃ KHÁCH HÀNG: PD19008621877

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

ĐIỀU 3: THOẢ THUẬN CỤ THỂ

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG

ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ CÔNG TỐ

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN

ĐIỀU 10: THANH TOÁN

ĐIỀU 11: NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Mã tỉnh(TP) **01** Mã xã(phường) **09988** Mã loại HĐ **2** Số hợp đồng **26/1910014**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống đảm bảo cung cấp điện.

Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện,
Chúng tôi gồm có:

A. BÊN BÁN ĐIỆN: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVNHANOI)

Mã số thuế: 0100101114

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Liên cơ số 258 đường Võ Chí Công, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ủy quyền thực hiện: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẮT

Tài khoản ngân hàng số: 4521234888 tại ngân hàng Ngân hàng BIDV

Email: pcthachthat@evnhanoi.vn

Website: <https://evnhanoi.vn>

Điện thoại CSKH: 19001288

Đại diện là ông (bà): Lê Trọng Huyền

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Theo văn bản ủy quyền số: 2717/GUQ-PCTHACHTHAT của Ông/Bà Nguyễn Xuân Quyền - Giám đốc Công ty Điện lực Thạch Thắt vào ngày 14/11/2025

Dưới đây gọi tắt là "**Bên A**"

Và

B. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

Mã số thuế: 0500473396

Đăng ký kinh doanh/ doanh nghiệp: 0500473396 do Sở tài chính TP Hà Nội cấp ngày 08/07/2025

Địa chỉ trụ sở chính/ thường trú: KCN Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Km29 Đại Lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản ngân hàng số: H15-795-002855 tại Ngân hàng MIZUHO BANK, LTD. – Chi nhánh thành phố Hà Nội.

Email: acc1-nev@noble-g.com Số điện thoại: 02433688525

Đại diện là ông (bà): TSUBUKI TOMOYOSHI

- Chức vụ: Tổng Giám Đốc

- Số chứng thực cá nhân (CC/CCCD/HC): TM0102057 Ngày cấp: 17/04/2025 Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản

- Theo văn bản uỷ quyền số:

Dưới đây gọi tắt là "**Bên B**"

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**"

Các Bên nhất trí ký kết Hợp Đồng với những điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

Trong phạm vi Hợp Đồng này (trừ khi được Các Bên thống nhất mô tả hoặc quy định khác đi), các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1 Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện là Biên bản theo mẫu do Bên A quy định, có nội dung ghi nhận các thông tin về kết quả treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, thông số kỹ thuật của Thiết Bị Đo Đếm Điện và chỉ số đo điện năng vào thời điểm treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện;

1.2 Biện Pháp Bảo Đảm là biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng nêu tại Điều 3.1;

1.3 Cơ Quan Nhà Nước là các cơ quan, chính quyền các cấp của Việt Nam hay người có thẩm quyền của các cơ quan đó, có quyền, trách nhiệm cấp các văn bản hành chính liên quan đến Hợp Đồng hoặc yêu cầu Các Bên cung cấp, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật;

1.4 Công Tơ là công tơ đo đếm, là thiết bị đo đếm điện năng thực hiện tích phân công suất theo thời gian, lưu và hiển thị giá trị điện năng đo đếm được;

1.5 Địa Điểm Sử Dụng Điện là địa điểm được Bên B đăng ký với Bên A để Bên A cấp điện và Bên B sử dụng điện theo quy định của Hợp Đồng;

1.6 Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm là giá trị của tài sản bảo đảm được Các Bên ghi nhận tại Điều 3.1.a;

1.7 Hợp Đồng là Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt này được ký kết giữa Các Bên và các bản Phụ lục, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;

1.8 Lãi Suất Chậm Trả là mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp Đồng tại thời điểm phát sinh Nghĩa Vụ Thanh Toán, được Bên A thông báo cho Bên B khi phát sinh việc áp dụng Lãi Suất Chậm Trả theo quy định của Hợp Đồng;

1.9 Nghĩa Vụ Thanh Toán là toàn bộ nghĩa vụ của Bên B đối với việc thanh toán khoản tiền phát sinh từ Hợp Đồng cho Bên A, không chỉ bao gồm tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền lãi chậm trả, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm, chi phí ngừng, cấp điện trở lại, bổ sung Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm theo đúng quy định tại Hợp Đồng;

1.10 Pháp Luật là toàn bộ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam có liên quan đến hoặc điều chỉnh mối quan hệ giữa Bên A và Bên B theo Hợp Đồng, bao gồm những quy định được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

1.11 Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng là quy trình được áp dụng để xử lý việc chấm dứt Hợp Đồng, được quy định tại Điều 17.2;

1.12 Thiết Bị Đo Đếm Điện là thiết bị đo công suất, điện năng, dòng điện, điện áp, tần số, hệ số công suất, bao gồm các loại công tơ, các loại đồng hồ đo điện và các thiết bị, phụ kiện kèm theo;

1.13 Thời Hạn là thời hạn của Hợp Đồng được xác định theo Điều 19.2;

1.14 Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán là hành vi của Bên B không thực hiện đầy đủ và/ hoặc không thực hiện đúng Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

2.1 Địa điểm sử dụng điện: KCN Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Km29 Đại Lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội

2.2 Mục đích sử dụng điện: Sản xuất và tiêu thụ các linh kiện và thiết bị điện tử

2.3 Cấp điện áp: 22000V

2.4 Công suất, điện năng sử dụng:

a. Công suất:

Cực đại Pmax: 400 kW Trung bình PTB: 157,29 kW Nhỏ nhất Pmin: 30 kW

Biểu đồ phụ tải, đặc tính kỹ thuật công nghệ của thiết bị sử dụng điện Bên B đăng ký (nếu có) là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng

b. Điện năng sử dụng trung bình Atb: 113247 kWh/tháng.

c. Mua công suất phản kháng: Có

2.5 Điểm đấu nối cấp điện: Đấu tại trạm cắt số 7 MV 1 lộ 469 E1.54

2.6 Đo đếm điện năng:

a. Số điểm đo: 1

Điểm đo	Vị trí điểm đo	Thiết bị đo đếm	Loại/ Tỷ số	Cấp CX	Sở hữu	Trách nhiệm quản lý
---------	----------------	-----------------	-------------	--------	--------	---------------------

Biên Bản Treo, Tháo, kiểm định Các Thiết Bị Đo Đếm Điện là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng.

b. Vị trí xác định chất lượng điện: Vị trí đặt thiết bị đo đếm điện năng

2.7 Ghi chỉ số đo điện năng:

a. Số kỳ: 3 kỳ/ tháng

Ngày ghi chỉ số: 07;17; ngày cuối cùng của mỗi tháng

b. Hình thức ghi chỉ số đo điện năng: Đọc chỉ số công tơ từ xa vào ngày ghi chỉ số công tơ

2.8 Giá bán điện:

Điểm đo	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ	Giá bán điện chưa có thuế GTGT(đồng/kWh)			
			Không theo thời gian	Theo thời gian		
				Giờ bình thường	Giờ cao điểm	Giờ thấp điểm
1	SXBT- SX - Các ngành sản xuất bình thường	100%		1833	3398	1190

Biên bản thỏa thuận tỷ lệ mục đích sử dụng điện (nếu có) là Phụ lục kèm theo Hợp

Đồng.

2.9 Ranh giới sở hữu tài sản: Từ điểm đầu tại trạm cắt số 7 MV 1 lộ 469 E1.54 về đến nơi sử dụng là của Bên B kể cả hệ thống TBA 2500 kVA (không bao gồm hệ thống đo đếm là công tơ)

2.10 Ranh giới quản lý vận hành: Bên A & Bên B chịu trách nhiệm quản lý vận hành an toàn phần công trình điện thuộc sở hữu tài sản của mình. Trường hợp có thỏa thuận khác về quản lý vận hành công trình điện, hai bên sẽ ký kết hợp đồng riêng

ĐIỀU 3: THỎA THUẬN CỤ THỂ

3.1 Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng: Không

a. Giá trị: 0 đồng

b. Hình thức (Bảo lãnh ngân hàng/ Đặt cọc bằng tiền):

c. Thời hạn Bên B gửi cho Bên A tài liệu xác nhận/chứng minh hoàn tất việc xác lập Biện Pháp Bảo Đảm: trong vòng 03 ngày kể từ ngày Hợp Đồng được Các Bên ký kết (sau đây được gọi là Ngày Xác Nhận Bảo Đảm).

Những tài liệu được Bên B cung cấp có giá trị xác nhận/chứng minh đã hoàn tất việc xác lập Biện Pháp Bảo Đảm (bao gồm nhưng không giới hạn Giấy bảo lãnh/chứng thư bảo lãnh của ngân hàng có nội dung cam kết bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng vô điều kiện, không hủy ngang, tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký bảo lãnh) và những tài liệu khác liên quan đến việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng này.

3.2 Thanh toán:

a. Quy định này áp dụng đối với mọi khoản thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng.

b. Thời hạn thanh toán: trong vòng 7 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu theo hình thức được quy định tại Điều 3.3.

c. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản;

3.3 Thi hành và hình thức thông báo:

a. Các Bên thống nhất tại Hợp Đồng này rằng, CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẮT là đơn vị trực thuộc Bên A, được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của Pháp Luật, với các thông tin cụ thể nêu tại Điều 3.3.b sẽ đại diện cho Bên A chịu trách nhiệm triển khai, quản lý và thực hiện Hợp Đồng.

b. Địa chỉ nhận thông báo:

(i) Bên A: Gửi cho Chủ thể đại diện cho Bên A quản lý, thực hiện Hợp Đồng với các thông tin dưới đây:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẮT;

Địa chỉ: Số nhà 192, Thôn Phố Sắn, Xã Thạch Thát, TP. Hà Nội, Việt Nam;

MST: 0100101114-031;

Tài khoản ngân hàng số: 4521234888 tại ngân hàng: Ngân hàng BIDV;

Email: pcthachthat@evnhanoi.vn; Ứng dụng: APP EVNHANOI; Điện thoại: 19001288

Website: <https://evnhanoi.vn>

(ii) Bên B: Địa chỉ: KCN Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Km29 Đại Lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Thông báo về thanh toán:

Email: acc2-nev@noble-g.com Ứng dụng: APP EVNHANOI; Điện thoại/SMS: 0865684319

- Thông báo về ngừng, giảm cung cấp điện:

Email: huuquang-nev@noble-g.com Ứng dụng: APP EVNHANOI; Điện thoại/SMS: 0986366866

- Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp Đồng:

Email: acc1-nev@noble-g.com Ứng dụng: APP EVNHANOI; Điện thoại/SMS: 0985126538

c. Hình thức thông báo: các thông báo sẽ được gửi bằng một trong các hình thức: thư điện tử (email), ứng dụng APP EVNHANOI, điện thoại/SMS, thông qua website theo các địa chỉ nhận thông báo tại Điều 3.3.b và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3.4 Các thỏa thuận cụ thể khác:

Bằng việc đồng ý giao kết Hợp Đồng này với Bên A, Bên B hiểu, đồng ý và cam kết với các nội dung sau:

a. Chính sách bảo mật thông tin

- Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân và các điều khoản liên quan đến việc thu thập, xử lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên B là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này. Chính sách bảo mật này có hiệu lực kể từ thời điểm Bên B ký kết Hợp Đồng và được công bố công khai trên website chính thức của Bên A.

- Bên B cam kết đã đọc, tự nguyện, biết rõ và đồng ý với Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân đã được công bố trên website chính thức của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm theo dõi và cập nhật các sửa đổi, bổ sung về Chính sách bảo mật và các quy định liên quan, như một phần của Hợp Đồng này.

- Bên B xác nhận đã được Bên A cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin về sản phẩm, dịch vụ và Hợp Đồng; bao gồm cả Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân. Bên A đã giải thích rõ các quyền và nghĩa vụ của Bên B liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định về xử lý dữ liệu.

- Bên B đồng ý cho Bên A được phép sử dụng và/hoặc chia sẻ dữ liệu cá nhân của mình với bên thứ ba có hợp tác với Bên A để phục vụ các mục đích theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Việc chia sẻ dữ liệu sẽ tuân thủ Chính sách bảo mật và các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi của Bên B.

b. Thực hiện an toàn trong sử dụng điện

- Bên B xác nhận đã được Bên A hướng dẫn đầy đủ về việc sử dụng điện an toàn và đồng ý tuân thủ các hướng dẫn này. Bên B đồng ý chịu trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thông tin hướng dẫn về an toàn trong sử dụng điện trên website chính thức của Bên A và cam kết thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

- Bằng việc ký kết hợp đồng này, Bên B xác nhận đã đọc, hiểu và đồng ý với các hướng

TY
CH
DIỆ
HÀ
HỆ

dẫn về an toàn điện do Bên A cung cấp, đồng thời cam kết tuân thủ nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân và cộng đồng.

Bên B được hưởng mức thuế suất thuế GTGT tiền điện là 0% do là doanh nghiệp “Hoạt động theo quy chế doanh nghiệp chế xuất” theo ghi nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 012043000039 do Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc cấp giấy chứng nhận lần đầu ngày 14/04/2011. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán điện với Bên A, Bên B cam kết thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư để việc áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% đúng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nếu có thay đổi, Bên B có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên A trước 30 ngày để hai bên cùng nhau điều chỉnh mức thuế suất GTGT theo đúng quy định. Nếu Bên B không thông báo hoặc thông báo không kịp thời làm ảnh hưởng đến việc xuất hóa đơn tiền điện của Bên A không đúng theo quy định thì Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Các Bên thống nhất rằng hoạt động mua bán điện năng theo Hợp Đồng này phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ khách hàng theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

5.1 Các Bên thống nhất áp dụng quy định của Pháp Luật để xác định lựa chọn việc mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c của Hợp Đồng.

5.2 Trong trường hợp Các Bên lựa chọn có mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền mua công suất phản kháng và việc thực hiện hoạt động mua công suất phản kháng được áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Bên B thanh toán tiền mua công suất phản kháng cùng kỳ thanh toán tiền điện theo quy định tại Điều 3.2 của Hợp Đồng. Thông báo của Bên A về giá trị khoản tiền mua công suất phản kháng cho Bên B sẽ được gửi cùng với thông báo tiền điện theo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng.

5.3 Căn cứ quy định của Pháp Luật và Hợp Đồng, Các Bên có thể thỏa thuận về việc (i) dừng mua công suất phản kháng và/hoặc (ii) điều chỉnh việc mua công suất phản kháng khi có thay đổi.

ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG

6.1 Hoạt động đo đếm điện năng được Các Bên thống nhất thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Điện năng sử dụng được xác định thông qua chỉ số đo đếm điện năng và hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện. Hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện được thống nhất và ghi nhận tại Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện.

6.2 Khi treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm ghi nhận đầy đủ kết quả và các thông tin cần thiết vào Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện phải có chữ ký của đại diện Các Bên khi hoàn thành công tác treo tháo. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng này. Các Bên có trách nhiệm bảo vệ Thiết Bị Đo Đếm Điện trong phạm vi quản lý của mình. Trường hợp phát hiện Thiết Bị Đo Đếm Điện bị mất hoặc hư hỏng, Các Bên lập biên bản để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của Các Bên có liên quan trong việc sửa chữa,

thay thế hoặc bồi thường.

6.3 Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển Công Tơ. Bên B phải được sự đồng ý của Bên A khi có nhu cầu di chuyển Công Tơ sang vị trí khác và phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình di chuyển.

ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ ĐO ĐIỆN NĂNG

Căn cứ vào sản lượng điện tiêu thụ bình quân đăng ký trong hợp đồng mua bán điện và thực tế sử dụng. Các Bên thống nhất ghi nhận ngày ghi, số kỳ ghi và hình thức ghi chỉ số đo điện năng tại Điều 2.7 của Hợp Đồng theo quy định Pháp luật:

- a) Dưới 50.000 kWh/tháng, ghi chỉ số một lần trong một tháng;
- b) Từ 50.000 đến 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số hai lần trong một tháng;
- c) Trên 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số ba lần trong một tháng.

Các Bên có thể thỏa thuận số lần ghi chỉ số trong tháng nhưng không thấp hơn số lần quy định trên.

Trường hợp ngày, số kỳ ghi chỉ số đo điện năng và hình thức ghi chỉ số đo điện năng thay đổi so với quy định tại Điều 2.7 Hợp Đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước 05 (năm) ngày kể từ ngày có sự thay đổi theo hình thức thông báo được quy định tại Điều 3.3.

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

8.1 Phạm vi bảo đảm: Các Bên thống nhất rằng Bên B xác lập Biện Pháp Bảo Đảm với phạm vi bảo đảm là toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán.

8.2 Việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thống nhất áp dụng theo quy định của Pháp Luật.

8.3 Các trường hợp Bên B phải thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

- a. Bên B là khách hàng sử dụng điện (trừ trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 18/2025/NĐ-CP) có sản lượng tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên theo đăng ký tại Hợp Đồng phải thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp Đồng. Trường hợp sản lượng điện tiêu thụ bình quân đăng ký tại Hợp Đồng thấp hơn mức này, nhưng sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất từ 1.000.000 kWh trở lên có trách nhiệm phối hợp với Bên A để thực hiện thỏa thuận đảm bảo thực hiện hợp đồng và ký Hợp Đồng sửa đổi, bổ sung.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 10 đến 15 ngày tiền điện, được tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng đăng ký trong Hợp Đồng hoặc sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất và giá điện năng giờ bình thường được áp dụng, Các Bên ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Điều 3.1.

- b. Trường hợp Hợp Đồng có Thời Hạn dưới 12 (mười hai) tháng và không thuộc trường hợp tại Điều 8.3.a nêu trên.

Giá trị Tài Sản Bảo Đảm: căn cứ vào cách xác định theo Điều này, Các Bên ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Điều 3.1:

- (i) Trường hợp Thời Hạn dưới 01 (một) tháng: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng sản lượng điện tương ứng theo số ngày Bên B đăng ký sử dụng nhân với giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8;

(ii) Trường hợp Thời Hạn từ 01 (một) tháng trở lên: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng sản lượng điện Bên B đăng ký sử dụng trong 45 (bốn mươi lăm) ngày nhân với giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8.

8.4 Trong trường hợp Bên B phải thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng mà không cung cấp các tài liệu theo Điều 3.1.c, Hợp Đồng sẽ ngay lập tức bị chấm dứt hiệu lực và Bên A không phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại nào của Bên B phát sinh từ việc đơn phương chấm dứt đó.

8.5 Thời hạn bảo đảm:

Biện Pháp Bảo Đảm được Các Bên lựa chọn tại Điều 3.1 sẽ không hủy ngang và Bên B phải duy trì biện pháp bảo đảm liên tục trong suốt Thời Hạn cộng thêm 15 (mười lăm) ngày làm việc.

8.6 Xử lý tài sản bảo đảm:

a. Ngay sau khi kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b mà Bên B Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn bảo đảm theo Điều 8.5, Bên A lập tức gửi thông báo thanh toán lần hai cho Bên B và được quyền:

(i) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là bảo lãnh ngân hàng: ngay lập tức yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng cho Bên B thanh toán vô điều kiện cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cộng với tiền lãi chậm trả đối với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm (nếu có).

Khoản tiền lãi chậm trả được tính bằng giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh chính thức thanh toán khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cho Bên A;

(ii) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là đặt cọc bằng tiền: ngay lập tức khấu trừ trực tiếp vào khoản tiền đặt cọc của Bên B cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm.

b. Khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm mà theo Điều 8.6 này được thanh toán cho Bên A thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm trong Hợp Đồng được gọi là Khoản Khấu Trừ.

c. Quyền, nghĩa vụ của Các Bên sau khi xử lý tài sản bảo đảm theo Điều này sẽ được thực hiện theo Điều 10 của Hợp Đồng. Các Bên đồng ý rằng việc khấu trừ Khoản Khấu Trừ theo Điều này không đồng nghĩa với việc Bên B không bị coi là Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán và vẫn phải chịu trách nhiệm với khoản phạt vi phạm theo Điều 10.

8.7 Hằng năm, Bên A và Bên B thỏa thuận giá trị thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng phù hợp với sản lượng điện bình quân sử dụng thực tế trong 12 tháng trước liền kề. Trường hợp có thay đổi, Bên A và Bên B thực hiện thỏa thuận bảo đảm thực hiện Hợp Đồng là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng và ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có).

ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN

9.1 Giá điện thực hiện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước về mức giá điện. Căn cứ mục

đích sử dụng điện của Bên B theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng, Các Bên ghi nhận việc áp dụng mức giá điện tương ứng tại Điều 2.8 của Hợp Đồng.

9.2 Trong trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng điện làm thay đổi giá áp dụng tại Điều 2.8, Bên B phải thông báo cho Bên A trước 15 (mười lăm) ngày để điều chỉnh việc áp giá trong Hợp Đồng theo đúng mục đích sử dụng. Mức giá bán điện mới được áp dụng theo Biên bản thỏa thuận tỷ lệ mục đích sử dụng điện.

9.3 Trong trường hợp mức giá điện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước có sự thay đổi thì mức giá điện mới ngay lập tức được áp dụng kể từ thời điểm quy định mới của Cơ Quan Nhà Nước có hiệu lực.

ĐIỀU 10: THANH TOÁN

10.1 Hóa đơn thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng được lập theo chu kỳ ghi chỉ số đo điện năng quy định tại Điều 2.7 của Hợp Đồng. Bên A thông báo cho Bên B về việc thanh toán tiền điện tương ứng với số lần ghi chỉ số đo điện năng theo hình thức thông báo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng.

10.2 Việc thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán sẽ bằng đồng Việt Nam.

10.3 Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán được Các Bên thỏa thuận và ghi tại Điều 3.2 của Hợp Đồng.

10.4 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền điện, tiền mua công suất phản kháng ghi trong hóa đơn được Bên A phát hành trong thời hạn ghi nhận tại Điều 3.2.b. Trường hợp Bên B có Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán tại Điều 10.4 này thì:

a. Trường hợp Bên B thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cách lần thông báo đầu tiên không dưới 03 (ba) ngày cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán khi phát sinh vi phạm và thực hiện xử lý tài sản đảm bảo theo quy định tại Điều 8.6 của Hợp Đồng.

(ii) Nếu Khoản Khấu Trừ đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm.

(iii) Nếu Khoản Khấu Trừ không đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm;

- Thanh toán cho Bên A khoản tiền chênh lệch giữa giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm và Khoản Khấu Trừ (sau đây được gọi là Khoản Còn Thiếu) và tiền lãi chậm trả đối với Khoản Còn Thiếu;

Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng Khoản Còn Thiếu nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c

và 11.1.a.

(iv) Không vượt quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp điện cho Bên B.

(v) Nội dung thông báo ngừng cấp điện phải ghi nhận rõ:

- Kết thúc thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) mà Bên B không hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A sẽ ngừng ngay việc cấp điện theo Hợp Đồng;
- Thời điểm ngừng cấp điện là thời điểm đáp ứng các điều kiện sau đây: (i) thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) đã kết thúc và (ii) sau 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm có thông báo ngừng cấp điện.

b. Trường hợp không thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cách lần thông báo đầu tiên không dưới 03 (ba) ngày cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán ngay khi phát sinh Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán. Bên B thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, bao gồm:

Khoản tiền lãi chậm trả đối với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm. Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c. và Điều 11.1.a.

(ii) Không vượt quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A thông báo về việc ngừng cấp điện cho Bên B. Nội dung thông báo ngừng cấp điện thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10.4.a.(v).

c. Bên A có quyền ngừng ngay việc cấp điện theo nội dung thông báo ngừng cấp điện gửi cho Bên B. Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào của Bên B và Các Bên liên quan do việc ngừng cấp điện gây ra.

Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành sau khi Bên B đã hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này cộng thêm khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16.

10.5 Bên A thu thừa tiền điện do lỗi của Bên A phải hoàn trả cho bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa hoặc bù trừ tiền điện thu thừa vào các lần thanh toán tiền điện sau của bên B. Lãi suất khoản tiền thu thừa bằng Lãi Suất Chậm Trả của Bên B.

10.6 Bên B thanh toán tiền điện thừa cho Bên A, Bên B có thể yêu cầu Bên A hoàn trả hoặc chuyển tiền điện thừa cho các kỳ thanh toán kế tiếp.

ĐIỀU 11: NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

11.1 Các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện cho Bên B khi có phát sinh các sự kiện dưới đây:

a. Theo quy định tại Điều 10.4 và các quy định khác của Hợp Đồng;

b. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật Điện lực hoặc quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó.

c. Bên A được quyền ngừng cấp điện theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Thủ đô ngày 28/6/2024 để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

11.2 Khi các sự kiện theo Điều 11.1 phát sinh trên thực tế, Bên A thực hiện quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.

ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

12.1 Có đủ năng lực và chức năng theo quy định của Pháp Luật để ký kết và thực hiện Hợp Đồng.

12.2 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực, tự nguyện và không bị cưỡng ép, đe dọa bởi bất cứ chủ thể nào.

12.3 Các thông tin được Các Bên cung cấp phục vụ cho việc ký kết Hợp Đồng và được ghi nhận tại Hợp Đồng này là hoàn toàn đầy đủ, chính xác, đúng sự thật.

12.4 Các Bên đã đọc, đã hiểu các quy định của Hợp Đồng và các quy định của Pháp Luật có liên quan. Các Bên xác nhận Hợp Đồng có hiệu lực ràng buộc và khả năng thi hành đối với Các Bên.

ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

13.1 Quyền của Bên A:

- a. Yêu cầu Bên B sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích, thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán đầy đủ và đúng hạn;
- b. Yêu cầu Bên B sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy;
- c. Được vào khu vực quản lý của Bên B để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên A; kiểm tra, ghi chỉ số đo điện năng và liên hệ với Bên B theo quy định của Pháp Luật;
- d. Được bồi thường thiệt hại do Bên B gây ra theo quy định của Pháp Luật;
- e. Được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;
- f. Được Bên B cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết, được khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu của Bên B phục vụ cho việc ký kết, thực hiện Hợp Đồng;
- g. Được thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng;
- h. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 17;
- i. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

13.2 Nghĩa vụ của Bên A:

- a. Cung cấp điện cho Bên B đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn theo Hợp Đồng và Pháp Luật, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của

- Cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp theo quy định của Pháp Luật;
- b. Bán điện cho Bên B theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thỏa thuận trong Hợp Đồng;
 - c. Khôi phục kịp thời việc cấp điện cho Bên B theo quy định của Pháp Luật;
 - d. Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên B theo quy định của Pháp Luật;
 - e. Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán theo yêu cầu của Bên B;
 - f. Cung cấp cho Bên B các thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện;
 - g. Hướng dẫn cho Bên B về việc lắp đặt, sử dụng hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn; cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và biện pháp bảo đảm an toàn điện;
 - h. Đầu tư công tơ và đường dây dẫn điện từ lưới điện của Bên A đến công tơ cho Bên B, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với Bên B;
 - i. Bảo vệ thông tin của Bên B, không được phép thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Bên B cho Bên thứ ba khác khi chưa được sự đồng ý của Bên B;
 - j. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của Pháp Luật có liên quan.

ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

14.1 Quyền của Bên B:

- a. Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- b. Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- c. Được bồi thường thiệt hại do Bên A gây ra theo quy định của Pháp Luật;
- d. Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;
- e. Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện và hướng dẫn về an toàn điện;
- f. Được lựa chọn bên bán điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;
- g. Quyền khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của Pháp Luật có liên quan

14.2 Nghĩa vụ của Bên B

Trong phạm vi Hợp Đồng này, Bên B không được thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện theo quy định tại Điều 9 Luật Điện lực và các quy định Pháp Luật liên quan, đồng thời có các nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán và các thỏa thuận khác theo quy định của Hợp Đồng;
 - b. Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện các quy định, chương trình về quản lý nhu cầu điện để bảo đảm hệ thống điện vận hành an toàn, liên tục;
- Trường hợp Bên B có trạm biến áp riêng, có thay đổi công suất sử dụng điện đã đăng ký theo Biểu đồ phụ tải trong Hợp Đồng này, trước ngày 31/10 hằng năm thực hiện đăng ký

biểu đồ phụ tải của 12 (mười hai) tháng tiếp theo. Bên A và Bên B thực hiện ký Hợp Đồng sửa đổi, bổ sung theo công suất đăng ký mới của Biểu đồ phụ tải (đính kèm là phụ lục Hợp Đồng). Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B khi hệ thống gặp khó khăn trong đảm bảo cung cấp điện và Bên B có trách nhiệm thực hiện các chương trình Quản lý nhu cầu điện theo thông báo của Bên A;

c. Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ thị trường điện cạnh tranh;

d. Sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích theo quy định tại Hợp Đồng;

e. Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;

f. Thông báo kịp thời cho Bên A (i) về việc Bên B không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; (ii) khi có các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; và (iii) khi Bên B bị thu hồi giấy phép, chấm dứt hoạt động, ra quyết định giải thể, chuyển nhượng dự án/tài sản có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc tuyên bố phá sản;

g. Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng, ghi chỉ số đo điện năng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng;

h. Đầu tư đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Điện lực; thiết kế hệ thống điện trong công trình thuộc phạm vi quản lý đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Pháp Luật;

i. Bảo đảm đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại khoản 1 Điều 73, khoản 1 Điều 74 Luật Điện lực;

j. Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên A theo quy định của Pháp Luật;

k. Bảo vệ công tơ điện đặt trong phạm vi quản lý của mình theo thỏa thuận trong Hợp Đồng; không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của Bên A và phải chịu chi phí di chuyển;

l. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của Pháp Luật có liên quan.

ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

15.1 Các hành vi vi phạm của Bên A bao gồm:

a. Trì hoãn việc cấp điện theo Hợp Đồng, trừ trường hợp nguyên nhân của việc trì hoãn là do lỗi của Bên B hoặc trong trường hợp được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo Hợp Đồng và Pháp Luật;

b. Không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo Điều 4 của Hợp Đồng;

c. Ghi sai chỉ số đo điện năng; tính sai tiền điện trong hóa đơn;

d. Trì hoãn hoặc không bồi thường cho Bên B theo Điều 16;

e. Các hành vi khác vi phạm các quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.2 Các hành vi vi phạm của Bên B bao gồm:

- a. Trì hoãn việc thực hiện Hợp Đồng đã ký;
- b. Sử dụng điện sai mục đích ghi tại Điều 2.2 Hợp Đồng;
- c. Sử dụng quá công suất đã đăng ký vào giờ cao điểm;
- d. Không thanh lý Hợp Đồng khi không sử dụng điện năng;
- e. Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán;
- f. Trì hoãn hoặc không bồi thường thiệt hại cho Bên A theo Điều 16;
- g. Tự ý cung cấp điện cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng điện;
- h. Không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện;
- i. Không sử dụng điện 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A;
- j. Các hành vi khác vi phạm các quy định tại Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.3 Nếu một Bên vi phạm các nghĩa vụ, các cam kết, bảo đảm của mình tại Hợp Đồng này thì phải chấm dứt mọi hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn hợp lý theo thông báo của Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 16: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

16.1 Các Bên chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp Đồng khi có những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên còn lại. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm được áp dụng theo Điều này, Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật.

16.2 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có bất cứ hành vi vi phạm Hợp Đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên còn lại, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định theo quy định của Pháp Luật.

Ngoài việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 16.2, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên còn lại, Bên vi phạm sẽ phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng đối với hành vi vi phạm đó. Mức phạt vi phạm được tính bằng 08 (tám) % giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm. Giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm được xác định theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Bên B đã thanh toán cho Bên A trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu.

16.3 Chậm thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

- a. Đối với khoản tiền phạt vi phạm do Bên B vi phạm Hợp Đồng:
 - (i) Đối với khoản tiền phạt vi phạm phát sinh theo Điều 10.4: Nếu Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn được nêu tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) hoặc thời hạn nêu tại Điều 10.4.b.(i), Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.
 - (ii) Đối với các khoản tiền phạt vi phạm khác phát sinh từ việc Bên B vi phạm Hợp Đồng: Bên B phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có thông báo của Bên A về nghĩa vụ phạt vi phạm của Bên B. Quá thời hạn này mà Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm, Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn

tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

b. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

Bên B có Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Bên A khoản bồi thường thiệt hại phát sinh trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Trường hợp Bên B chậm thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại, Bên vi phạm sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả trên khoản tiền bồi thường thiệt hại cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

c. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại và khoản tiền phạt vi phạm do Bên A vi phạm Hợp Đồng:

(i) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm của Bên A đối với Bên B, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường và tiền phạt mà hai Bên đã thống nhất trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo chính thức của Bên B. Quá thời hạn trên mà Bên A chưa thanh toán đủ thì Bên B có quyền chậm thanh toán tiền điện với giá trị không quá khoản tiền Bên A chậm thanh toán cho đến khi Bên A thanh toán và Bên B không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào do chậm thanh toán tiền điện trong phạm vi Điều này.

(ii) Nếu Bên A đã thanh toán cho Bên B đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại, khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn nêu tại Điều 16.3.c.(i), Bên B phải thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán bình thường theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 Hợp Đồng sẽ chấm dứt theo một trong các căn cứ dưới đây:

- a. Kết thúc Thời Hạn mà Các Bên không thỏa thuận gia hạn Hợp Đồng hoặc Bên B không có phản hồi theo Điều 19.4.
- b. Các Bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn.
- c. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn khi Bên A có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ thông báo trước cho Bên A về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng.
- d. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn trong các trường hợp dưới đây:

- (i) Bên B có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3;
- (ii) Bên B là tổ chức, hộ kinh doanh bị chấm dứt hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị giải thể, bị tuyên bố phá sản, không còn quyền sử dụng Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp Luật; là cá nhân mất tích, chết, không còn quyền sử dụng Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp Luật. Bên A có quyền thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng ngay lập tức khi phát sinh các sự kiện theo quy định này.

17.2 Quy trình chấm dứt Hợp Đồng:

- a. Ngay sau khi phát sinh các trường hợp hoặc kết thúc thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có thông báo về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng của một Bên theo quy định tại

Điều 17.1, Các Bên tiến hành:

- (i) Bên A gửi thông báo ngay cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt Hợp Đồng.
- (ii) Bên A ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó.
- (iii) Bên A xác định chỉ số đo điện năng, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn. Việc xác định được thực hiện tại Địa Điểm Sử Dụng Điện tính đến thời điểm ngừng cấp điện theo thông báo, không phụ thuộc vào việc điện năng được Bên B hay bất kỳ một bên nào khác sử dụng. Số tiền điện phải thanh toán được xác định theo Điều này do Bên B gánh chịu.
- (iv) Bên B thực hiện thanh toán toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện.
- (v) Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có): Bên A xác định về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng và xác định ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền cho Bên B. Bên A chỉ giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền sau khi Bên B đã thực hiện xong việc thanh toán toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng (nếu có).

Trường hợp Hợp Đồng chấm dứt do hành vi vi phạm của Bên B hoặc theo thỏa thuận của Các Bên trong các trường hợp khác, Bên A có quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán của Bên B. Bên B tiếp tục thanh toán Nghĩa Vụ Thanh Toán còn thiếu hoặc được hoàn trả Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại (nếu có).

b. Sau khi Các Bên hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp Đồng:

- (i) Trường hợp chấm dứt theo Điều 17.1.a, Các Bên thống nhất Hợp Đồng sẽ tự động chấm dứt khi kết thúc Thời Hạn.
- (ii) Các trường hợp còn lại, Bên A gửi Bên B dự thảo Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Bên B xác nhận đồng ý bằng cách ký vào Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản chấm dứt Hợp Đồng nhưng không ký Biên bản chấm dứt Hợp Đồng và không có văn bản gửi cho Bên A nêu rõ lý do, Bên A có quyền hiểu là Bên B đã đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng chấm dứt theo nội dung Biên bản chấm dứt Hợp Đồng.

c. Đối với các trường hợp do lỗi của Bên B hoặc các trường hợp khác mà Các Bên không thể tiến hành Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng theo Điều 17.2 này, việc chấm dứt Hợp Đồng được thực hiện theo quyết định của Cơ Quan Nhà Nước thông qua quá trình giải quyết tranh chấp hoặc theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên sẽ cùng nhau tiến hành thương lượng để tìm ra giải pháp giải quyết tranh chấp tối ưu. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà Các Bên không đạt được thỏa thuận, một trong Các Bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

19.1 Hiệu lực của Hợp Đồng: Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2026

/hoặc ngày đại diện có thẩm quyền của hai bên ký kết và Bên A nhận được tài liệu xác nhận/chứng minh hoàn tất việc xác lập Biện Pháp Bảo Đảm của Bên B (trường hợp Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng).

19.2 Thời Hạn của Hợp Đồng:

a. Thời Hạn của Hợp Đồng do Các Bên thỏa thuận nhưng không vượt quá thời hạn mà Bên B có quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện.

Việc xác định quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Bên B đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện căn cứ vào các tài liệu được Bên B chủ động cung cấp hoặc theo yêu cầu của Bên A. Các tài liệu này sẽ được đính kèm Hợp Đồng.

b. Căn cứ theo Điều 19.2.a, Các Bên thỏa thuận và thống nhất ghi nhận Thời Hạn của Hợp Đồng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 24 tháng 02 năm 2031.

19.3 Thời Hạn có thể được điều chỉnh hoặc gia hạn theo thỏa thuận giữa Các Bên và phải được ký kết Hợp Đồng sửa đổi, bổ sung.

19.4 Bên A thông báo trước cho Bên B về việc hết Thời Hạn ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày Hợp Đồng này hết hiệu lực để Các Bên tiến hành việc thỏa thuận gia hạn hoặc ký lại hoặc chấm dứt Hợp Đồng. Bên B phản hồi lại về việc gia hạn hoặc ký lại hoặc chấm dứt Hợp Đồng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Bên A thực hiện ngay việc ngừng bán điện kể từ ngày hết Thời Hạn nếu không nhận được phản hồi từ Bên B.

19.5 Đối với trường hợp tại Điều 19.4, Các Bên thống nhất về việc gia hạn Hợp Đồng:

a. Các Bên hoàn thành việc ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung về gia hạn Hợp Đồng trước ngày Hợp Đồng hết hiệu lực. Thời gian gia hạn của Hợp Đồng không vượt quá thời hạn mà Bên B có quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện và thời hạn của Hợp đồng đã ký;

b. Đối với trường hợp có áp dụng Biện Pháp Bảo Đảm, Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh ngân hàng hoặc chấp thuận kéo dài thời gian hình thức đặt cọc bằng tiền tương ứng với hiệu lực của Hợp Đồng và Thời Hạn gia hạn. Giá trị Tài sản Bảo đảm trong Thời hạn gia hạn được điều chỉnh theo Điều 8.7 (nếu cần thiết).

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

20.1 Thông báo và liên lạc

a. Mọi thông báo được đưa ra theo Hợp Đồng này phải gửi cho người nhận là cá nhân, tổ chức có liên quan đến địa chỉ được quy định tại Điều 3.3.b (hoặc địa chỉ hoặc người nhận khác theo thông báo của mỗi Bên cho Bên còn lại trong từng trường hợp) bằng các hình thức tại Điều 3.3.c.

b. Căn cứ theo quy định này, Các Bên thỏa thuận và ghi nhận các nội dung quy định về hình thức thông báo và địa chỉ gửi thông báo tại Điều 3.3.

20.2 Việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng được thực hiện bằng cách ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hoặc theo thông báo của Bên A.

20.3 Việc giải thích và thực hiện Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi Pháp Luật. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung của Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật, Các

Bên thống nhất áp dụng quy định Pháp Luật để điều chỉnh vấn đề đó.

20.4 Trường hợp bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng bị vô hiệu hoặc không thể thi hành, thì quy định đó sẽ không có hiệu lực và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định còn lại trong Hợp Đồng. Khi đó, Hợp Đồng này sẽ được hiểu và giải thích theo các quy định còn lại của Hợp Đồng. Các Bên sẽ cùng nhau, trên tinh thần hợp tác, thiện chí, nỗ lực để thay thế quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành đó bằng một quy định khác có hiệu lực và có thể thi hành, với nội dung phù hợp nhất với quy định bị thay thế.

20.5 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực. Hợp Đồng là kết quả của việc đàm phán giữa Các Bên và sẽ không bị suy đoán rằng một điều khoản không rõ nghĩa nào cần phải được giải thích theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho bất kỳ Bên nào.

20.6 Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mà Bên B có nhu cầu dịch Hợp Đồng sang ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, nếu có sự không thống nhất giữa nội dung bản dịch và bản gốc tiếng Việt thì nội dung của bản gốc tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Hợp Đồng được Các Bên xác nhận và ký kết đầy đủ thông qua hình thức như dưới đây.

Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng văn bản giấy:

Hợp Đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt với đầy đủ chữ ký của Các Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng điện tử:

Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt, và được lưu trữ tại hệ thống phương tiện lưu trữ điện tử của Bên A tại website <https://evnhanoi.vn> và/hoặc ứng dụng APP EVNHANOI. Bên B có quyền truy cập để tra cứu nội dung Hợp Đồng này.


TSUBUKI TOMOYOSHI
GENERAL DIRECTOR


Lê Trọng Huyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
CƠ QUAN - DOANH NGHIỆP

Số hợp đồng:

H	L	2	0	7	0	0	0	0	0	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Mã khách hàng:

8	7	0	0	0	0	0	5	8		
---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Thông tư 01/2008/TT-BXD, ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ các văn bản hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về cung cấp sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn TP. Hà Nội;
- Căn cứ Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước số ngày giữa Sở Xây dựng Hà Nội và Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội;
- Theo khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nước của hai bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Đội Quản lý cấp nước sạch Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Chúng tôi gồm:

I. Bên cung cấp nước (gọi tắt là Bên A): Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội - Khu vực Đội Quản lý cấp nước sạch Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

Đại diện: Ông Đặng Ngọc Hải

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Theo giấy Ủy quyền số 1479 ngày 14/07/2020 của Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

Địa chỉ trụ sở: Lô CN 1-8, Đường 7 Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

Số điện thoại: 0829991499

Tài khoản số: 1506201037644 tại Agribank chi nhánh Tây Hồ

Mã số thuế: 0100106225

Khách hàng sử dụng nước (gọi tắt là Bên B): Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam.

Đại diện: Ông Horaguchi Hiroshi Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29
Đại lộ Thăng Long, Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội

Địa chỉ mua nước: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29
Đại lộ Thăng Long, Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội

Số điện thoại: 024 3368 8525/ 0354 287 495.

Email: acc1-nev@noble-g.com, acc2-nev@noble-g.com, hoang-nev@noble-g.com,
phamquynh-nev@noble-g.com

Tài khoản số: H15-795-002855 tại Mizuho bank, chi nhánh Hà Nội.

Mã số thuế: 0500473396.

Cùng thoả thuận ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước gồm những điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

Bên A đồng ý bán cho Bên B nước sạch đến vị trí đồng hồ lắp đặt mua nước của bên B:

- Đồng hồ nước cỡ: DN 100 đặt tại địa chỉ mua nước: Địa chỉ mua nước: Khu CN CNC, Khu CNC Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng long, Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội
- Hồ sơ thiết kế thi công hoặc bản vẽ hoàn công kèm theo được coi là một phần của hợp đồng này.

Điều 2: Chất lượng dịch vụ

- 2.1. Bên A đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch với chất lượng theo các quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định, phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước hiện có.
- 2.2. Khi có sự cố hoặc có phản ánh của Bên B về chất lượng nước sạch được cung cấp, Bên A có trách nhiệm kiểm tra hệ thống cấp nước trước đồng hồ. Việc khắc phục sự cố xảy ra sau đồng hồ nước do Bên B thực hiện.
- 2.3. Khi xảy ra tranh chấp về kết quả kiểm định chất lượng nước, hai Bên thống nhất mời Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố Hà Nội tổ chức cùng lấy mẫu để xét nghiệm. Kết quả công bố của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố Hà Nội là kết quả cuối cùng.
 - Nếu kết quả kiểm định chất lượng nước đạt theo tiêu chuẩn nhà nước thì bên B có trách nhiệm thanh toán chi phí xét nghiệm.

- Nếu kết quả kiểm định chất lượng nước không đạt theo tiêu chuẩn nhà nước thì Bên A có trách nhiệm ngay lập tức khắc phục và chịu mọi chi phí liên quan đến xét nghiệm.

Điều 3: Giá nước

Giá nước áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo từng thời điểm trên nguyên tắc: Nước sử dụng cho mục đích nào thì tính giá quy định theo mục đích đó. Trường hợp giá nước có thay đổi, Bên A sẽ thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp đến Bên B biểu giá mới để thực hiện và các bên không phải ký lại hợp đồng.

Điều 4: Phương thức, thời hạn thanh toán

- 4.1. Khối lượng nước sử dụng hàng tháng được tính bằng m^3 (mét khối) theo chỉ số đồng hồ. Hai bên thống nhất chốt chỉ số đồng hồ đo nước lắp đặt tại điểm đấu nối vào ngày ấn định hàng tháng. Trường hợp thay đổi ngày ghi chỉ số nước, bên A có trách nhiệm thông báo đến bên B để thực hiện.
- 4.2. Bên B thanh toán 01 lần/tháng đối với khối lượng nước đã sử dụng bằng tiền Việt Nam đồng.
- 4.3. Hình thức thanh toán: Bên B chuyển tiền vào tài khoản bên A qua các phương thức chuyển khoản hoặc qua cổng thanh toán điện tử.
- 4.4. Hình thức thông báo thanh toán: một trong các hình thức: tin nhắn, email, văn bản...
- 4.5. Thời hạn thanh toán: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo nộp tiền lần đầu.

Bên B chậm trả tiền nước quá 1 tháng (30 ngày) so với thời hạn thanh toán của thông báo tiền nước lần thứ nhất, phải trả cả tiền lãi của khoản chậm trả cho Bên A theo lãi suất tiền gửi cao nhất của ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng này tại thời điểm thanh toán.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

A. Bên A có quyền

- 5.1. Được vào khu vực quản lý của Bên B để kiểm tra và thực hiện các nghiệp vụ cấp nước: Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đồng hồ đo nước, việc sử dụng nước, thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế đường ống, đồng hồ đo nước;
- 5.2. Được thay đổi cỡ đồng hồ khi khối lượng và chế độ nước tiêu thụ của Bên B không phù hợp với cỡ đồng hồ đang sử dụng;
- 5.3. Ngừng thực hiện dịch vụ cấp nước trong các trường hợp:
 - Do yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B;

- Bên B không sử dụng nước quá 03 tháng mà không báo với Bên A thì việc ngừng cấp nước sẽ được thực hiện sau 1 tuần kể từ khi có thông báo đến Bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước;
- Ngừng cấp nước ngay sau khi phát hiện Bên B có các hành vi vi phạm quy định về cấp nước;
- Ngừng cấp nước nếu Bên B không thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của hợp đồng sau 15 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đến Bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước.
- Và các trường hợp bất khả kháng khác do nguồn cấp nước không đáp ứng

B. Bên A có nghĩa vụ

- 5.4. Đảm bảo hệ thống cấp nước và các trang thiết bị cấp nước hoạt động ổn định, chất lượng nước theo quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định;
- 5.5. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời khi Bên B thông báo các sự cố về chất lượng nước, áp lực nước hoặc các khiếu nại về đồng hồ nước;
- 5.6. Tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước;
- 5.7. Thông báo trước trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp đến Bên B chậm nhất 24 giờ trước khi tạm ngừng cung cấp nước để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất và bất khả kháng;
- 5.8. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp đến Bên B các quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

A. Bên B có quyền

- 6.1. Yêu cầu Bên A: cung cấp nước sạch với khối lượng, chất lượng và điều kiện dịch vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng; đảm bảo tính chính xác của thiết bị đo đếm nước sạch, số tiền nước phải thanh toán; khôi phục việc cung cấp nước trong thời gian sớm nhất sau khi hệ thống cấp nước bị sự cố;
- 6.2. Được Bên A cung cấp thông tin về: các sự cố liên quan đến việc cung cấp nước; kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp nước; các quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước;
- 6.3. Yêu cầu Bên A tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong một thời gian nhất định, Bên B phải trả các chi phí về việc đóng, mở nước.

B. Bên B có nghĩa vụ

- 6.4. Thanh toán tiền nước đầy đủ và đúng thời gian theo Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng này. Trường hợp Bên B có khiếu nại đang chờ Bên A hoặc các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán tiền nước còn nợ theo đúng thời hạn

đã được thông báo. Hai bên sẽ điều chỉnh việc thanh toán sau khi có kết quả của cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- 6.5. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A ghi chỉ số đồng hồ nước, thay đồng hồ nước và kiểm tra hệ thống cấp nước phía sau đồng hồ nước;
- 6.6. Kịp thời thông báo cho Bên A khi phát hiện các sự cố về chất lượng nước, áp lực nước hoặc sự bất bình thường của đồng hồ nước;
- 6.7. Thông báo trước 10 ngày cho bên A trong các trường hợp: thay đổi mục đích, nhu cầu sử dụng nước, tạm ngừng sử dụng nước, thay đổi thông tin của Bên B;
- 6.8. Tiếp nhận, bảo vệ nguyên trạng hệ thống cấp nước, đồng hồ nước, các thiết bị và các chỉ niêm phong do Bên A lắp đặt; không tự ý sửa chữa, di chuyển hoặc thay đổi hệ thống ống dẫn từ đồng hồ nước trở ra thuộc thẩm quyền quản lý của Bên A;
- 6.9. Chịu trách nhiệm lắp đặt hệ thống ống dẫn nước sau cụm đồng hồ, đảm bảo an toàn, không gây sự cố rủi ro đến hệ thống cấp nước của Bên A và chịu trách nhiệm về khối lượng nước thất thoát, rò rỉ sau cụm đồng hồ nước;
- 6.10. Không được sử dụng máy bơm hút nước trực tiếp từ hệ thống cấp nước của Bên A; không sử dụng các nguồn nước khác vào hệ thống; không đầu nối và tiêu thụ nước sạch từ bất kỳ bên thứ ba nào; không được làm sai lệch chỉ số đồng hồ nước; không gây trở ngại khi Bên A thực hiện quyền quản lý và khai thác trên hệ thống cấp nước của Bên A.

Điều 7: Bất khả kháng

- 7.1. Bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm:
 - a) Thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, lũ lụt, sóng thần, bệnh dịch hay động đất;
 - b) Bạo động, nổi loạn, chiến sự, chống đối, phá hoại, cấm vận, bao vây, phong tỏa, bất cứ hành động chiến tranh nào hoặc hành động thù địch cộng đồng cho dù chiến tranh có được tuyên bố hay không;
 - c) Sự cố nhà máy nước và sự cố tuyến ống truyền tải;
 - d) Sự cố về mạng lưới điện;
 - e) Thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước.
- 7.2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, các Bên được miễn trừ trong việc chấp hành các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng này. Ngay khi phát hiện xảy ra sự kiện bất khả kháng các Bên phải thông báo cho nhau biết để phối hợp khắc phục.

Điều 8: Các thỏa thuận khác

- 8.1. Khi đồng hồ có sự cố kỹ thuật, không đo chính xác thì lượng nước sử dụng của Bên B được tính theo mức trung bình của 2 tháng liền kề trước đó;

- 8.2. Đồng hồ nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá $\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ nước;
- 8.3. Bên B sử dụng nước không đúng với mục đích đã đăng ký, Bên A sẽ tính tiền sử dụng nước theo mục đích mới và truy thu (nếu có) kể từ ngày Bên B thay đổi mục đích sử dụng;
- 8.4. Việc Bên A ngừng cấp nước do Bên B vi phạm các điều khoản của hợp đồng và các vi phạm của pháp luật, sau khi Bên B đã khắc phục các lỗi vi phạm và có nhu cầu đầu nối lại thì mọi chi phí đóng mở nước do Bên B chi trả theo quy định hiện hành.

Điều 9: Thay thế, sửa đổi hợp đồng

- 9.1. Trường hợp một Bên tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi) thì toàn bộ nội dung Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm Hợp đồng này đương nhiên có giá trị ràng buộc đối với Bên kế thừa hoặc thụ hưởng của Bên tổ chức lại doanh nghiệp đó đến khi ký kết lại Hợp đồng.
- 9.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, một trong hai bên muốn bổ sung, thay đổi các thông tin có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này thì hai bên thỏa thuận ký phụ lục hợp đồng hoặc ký kết lại hợp đồng sau 15 ngày thông báo bằng văn bản.

Điều 10: Bồi thường thiệt hại

A. Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B trong các trường hợp sau:

- 10.1. Ghi sai chỉ số đồng hồ nước hoặc sử dụng đồng hồ nước không đạt tiêu chuẩn quy định dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn số tiền Bên B phải trả, mức bồi thường bằng khoản tiền thu thừa;
- 10.2. Tính sai hóa đơn tiền nước gây thiệt hại cho bên B, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá do tính sai;
- 10.3. Khi đồng hồ nước có sai số vượt quá giới hạn cho phép ($\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ) thì Bên A phải thay đồng hồ cho Bên B và đồng thời hoàn trả số tiền nước đã thu tương ứng với sai số lượng nước chạy nhanh tính từ thời điểm lượng nước sử dụng tăng đột biến so với mức tiêu thụ bình quân 02 tháng trước đó trong kỳ hóa đơn gần nhất.

B. Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A trong các trường hợp sau:

- 10.4. Khi độ sai số của đồng hồ nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép ($\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ) thì Bên B yêu cầu kiểm tra kiểm định phải chịu chi phí;
- 10.5. Để mất, hỏng đồng hồ nước và các thiết bị khác hỗ trợ cho việc cung cấp nước do lỗi của Bên B, mức bồi thường bằng giá trị bù đắp lại phần đã mất, hỏng và chi phí để tái lập lại việc cung cấp nước theo quy định;
- 10.6. Sử dụng nước sai mục đích thỏa thuận gây thiệt hại cho Bên A, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm;

10.7. Có các hành vi trộm cắp nước sạch dưới mọi hình thức, ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A, trong đó mức bồi thường giá trị lượng nước bị lấy cắp tính theo đơn giá nước sạch cao nhất.

Điều 11: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng;
- Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên B không sử dụng nước 03 tháng liên tục kể từ khi Bên A ngừng cấp nước cho Bên B;
- Bên B có các hành vi vi phạm về sản xuất cung cấp tiêu thụ nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước theo quy định của pháp luật;
- Bất động sản có hệ thống đồng hồ nước bị giải toả, di dời và các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Hai bên thoả thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng được khôi phục hoặc ký lại sau khi các vướng mắc hai bên đã được giải quyết.

Điều 12: Điều khoản thi hành

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký kết.

12.2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Khi phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, đảm bảo quyền lợi của nhau. Nếu thương lượng không thành thì việc tranh chấp sẽ do cơ quan có thẩm quyền hoặc do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

12.3. Các văn bản thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên trong quá trình sử dụng nước được coi là một phần của hợp đồng này.

12.4. Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản để thi hành.

BÊN B

KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký tên, đóng dấu)



HORAGUCHI HIROSHI
GENERAL DIRECTOR

BÊN A

DOANH NGHIỆP CUNG CẤP NƯỚC

(Ký tên, đóng dấu)



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Ngọc Hải



STANDARD FOR THE STATE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT**

Số: 2106/HDDV/NOBLE - HHPD/2023

- Căn cứ bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ điều 14 nghị định 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của chính phủ về việc ban hành quy chế khu công nghệ cao;

- Căn cứ Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ yêu cầu và năng lực thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 06 năm 2023, tại Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; Chúng tôi gồm:

Bên A : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

Địa chỉ : Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội

Điện thoại : 024.33688525

Fax: 024.33688521

Mã số thuế : 0500473396

Đại diện : Ông Nomura Osamu

Chức vụ : Tổng giám đốc

Bên B : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC

Địa chỉ : Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Km 29, Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Hà Nội

Điện thoại : 024 6668 8811

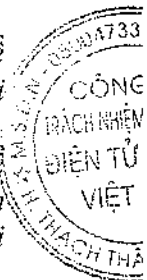
Mã số thuế : 0100508439

Tài khoản : **0721100395001** tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sơn Tây –PGD Khu CNC Hòa Lạc.

Đại diện : Ông Khúc Minh Thái

Chức vụ : Giám đốc TT QLHT HHPD

(Theo văn bản ủy quyền số 34/VBUQ-TCHC ngày 01/03/2023 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.)



Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với các điều khoản dưới đây:

Điều 1. Nội dung của hợp đồng

Bên A đồng ý thuê và Bên B (là công ty hợp pháp được phép thu gom rác thải sinh hoạt theo quy định) đồng ý thực hiện việc thu gom rác thải sinh hoạt tại điểm tập kết rác của Bên A, vận chuyển đến nơi xử lý rác quy định của Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Địa điểm, thời gian thực hiện

- Địa điểm thu gom rác tại: Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội.

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/07/2023.

- Bên B thực hiện việc thu gom rác 1 lần/ngày, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ lễ, tết).

Điều 3. Giá trị hợp đồng

- Giá trị hợp đồng: **1.818.182 đồng/tháng x 12 tháng = 21.818.184 đồng**

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi tư đồng ./.)

- Đơn giá trên không bao gồm thuế GTGT.

* Giá trị của hợp đồng sẽ thay đổi khi:

- UBND Thành phố Hà Nội hoặc cấp có thẩm quyền tương đương điều chỉnh về đơn giá thu gom xử lý rác thải trên địa bàn từ 10% trở lên thì giá trị của hợp đồng sẽ tăng hoặc giảm tương ứng theo đơn giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khi tổng khối lượng rác thải thu gom trong tháng của bên A tăng hoặc giảm từ 10% trở lên, hai Bên sẽ đàm phán và điều chỉnh giá trị của hợp đồng theo khối lượng

Điều 4. Phương thức thanh toán

- Thời gian thanh toán: Thanh toán theo kỳ 03 tháng, tương đương số tiền **5.454.546 đồng** (không bao gồm thuế GTGT) (Bằng chữ: Năm triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng./.). Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ từ Bên B bao gồm: Đề nghị thanh toán. Biên bản nghiệm thu (theo kỳ), Hóa đơn giá trị gia tăng (theo kỳ).

- Bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

- Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm vượt quá một (01) tháng: Bên A phải chịu mức phạt bằng tỷ lệ lãi suất cho doanh nghiệp vay theo năm do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) công bố tại thời điểm thanh toán cho số ngày quá hạn (vượt quá một tháng) trên số tiền thanh toán chậm.

Điều 5. Hiệu lực hợp đồng

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực một (01) năm kể từ ngày ký và sẽ được tự động gia hạn hàng năm nếu một trong hai bên không có thông báo bằng văn bản cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn hợp đồng.

5.2. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, bên nào vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5.3. Khi một trong hai Bên yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cần báo cho Bên còn lại trước một (01) tháng và có sự đồng ý, thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của hai bên bằng văn bản.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1. Trách nhiệm của bên A:

- Trang bị đầy đủ dụng cụ thu chứa rác thải hợp vệ sinh và phải phân loại rác thải đảm bảo không lẫn các loại rác thải công nghiệp nguy hại, rác thải y tế, phế thải xây dựng... vào rác thải sinh hoạt.
- Tập kết rác thải về đúng nơi quy định theo thống nhất của hai bên.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để lao động, phương tiện của bên B ra, vào thu gom rác thải sinh hoạt tại địa điểm tập kết rác thải của bên A.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí và đúng thời hạn như đã thỏa thuận.
- Phối hợp với bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

6.2. Trách nhiệm của bên B:

- Bố trí nhân công, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ địa điểm tập kết của bên A đến nơi xử lý rác quy định của thành phố Hà Nội.
- Phải vệ sinh khu vực xung quanh bãi chứa rác cho sạch sẽ, tránh trường hợp rác xung quanh gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến môi trường.
- Cung cấp hóa đơn, chứng từ hợp lệ để làm cơ sở cho việc thanh toán khối lượng, giá trị hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Phối hợp với bên A giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 7. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

7.1. Luật áp dụng trong Hợp đồng này là Luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

7.2. Trong trường hợp có tranh chấp xuất phát từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, hai Bên sẽ cố gắng giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải.

7.3. Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên gửi văn bản yêu cầu Bên kia giải quyết tranh chấp thì các Bên



có quyền đưa tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Quyết định của Trọng tài sẽ là chung thẩm và có giá trị bắt buộc đối với các Bên. Phí trọng tài và/hoặc các chi phí khác có liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu. Địa điểm giải quyết tranh chấp là cơ quan trọng tài tại Hà Nội, Việt Nam, ngôn ngữ sử dụng là Tiếng Việt.

Điều 8. Các điều khoản khác

8.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký.

8.2. Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các Bên. Mọi sửa đổi và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Bản sửa đổi bổ sung này sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký.

8.3. Không bên nào được phép chuyển nhượng bản Hợp đồng này hay bất cứ quyền và nghĩa vụ nào ở đây nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.

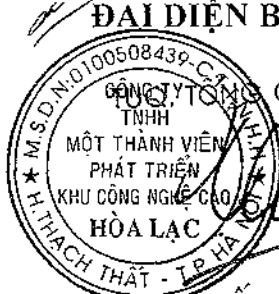
8.4. Hợp đồng này gồm 04 trang được làm thành bốn (04) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên hai (02) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



NOMURA OSAMU
GENERAL DIRECTOR

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC TTQLHT HHPD
KHÚC MINH THÁI



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29, Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024.666.888.11

Fax: 024.666.88.111

BÁO GIÁ DỊCH VỤ

Kính gửi: Quý khách hàng

Trước tiên Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty!

Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt cho hầu hết các nhà đầu tư trong Khu CNC trong đó có công tác vệ sinh môi trường, với khả năng cũng như kinh nghiệm hiện có chúng tôi đảm bảo sẽ mang lại sự phục vụ chu đáo nhất cho quý khách hàng.

- Căn cứ quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành Phố Hà Nội; Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ văn bản số 5514/SXD-HTT ngày 25/06/2018 Sở xây dựng Thành Phố Hà Nội về việc tiếp nhận và thực hiện việc thu giá dịch vụ khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc về khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, Sơn Tây

Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc xin gửi tới Quý Công ty báo giá cụ thể như sau:

I. Bảng chào giá dịch vụ/ Price

Stt No	Danh mục dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền đồng	Ghi chú
1	Đối với Khối lượng thu cầu, vận chuyển và xử lý rác thải hàng tháng dưới 10 m3	m3	<10m3	1,818,182	1.818.182	Giá cho 1 tháng
2	Đối với Khối lượng thu cầu, vận chuyển và xử lý rác thải hàng tháng từ 10 m3 trở lên	m3	1	208,000	208,000	

II. Nội dung thực hiện

- Bên A tự trang bị xe đẩy và thùng đựng rác.

- Bên B bố trí phương tiện, nhân công thực hiện công tác thu cầu vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày vào khoảng thời gian từ 14h30 đến 15 tại địa điểm tập kết rác của bên A đến nơi xử lý rác theo quy định của thành phố Hà Nội.

Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Theo thỏa thuận trong điều khoản Hợp Đồng

Thời gian thực hiện:

- Sau khi hợp đồng được ký kết.

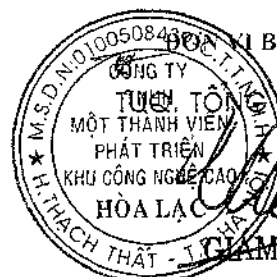
Hiệu lực báo giá:

- Báo giá có hiệu lực trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký.



NOMURA OSAMU
GENERAL DIRECTOR

Hà Nội, ngày tháng năm 2023



KHÁC MINH THÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
THU MUA PHẾ LIỆU
Số: /HĐDV-NOBLE

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CNXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 03/04/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ký ban hành về Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ trước đây của đơn vị;

Căn cứ nhu cầu thực tế của hai bên;

Hôm nay ngày 10-10-2025 hai bên chúng tôi gồm:

BÊN A (SỬ DỤNG DỊCH VỤ): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

Địa chỉ : Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc,
Km29 Đại Lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 02433688525

Mã số thuế : 0500473396

Đại diện : Ông Tsubuki Tomoyoshi

Chức vụ : Tổng giám đốc

Số tài khoản : H15-795-002855 tại Ngân hàng: MIZUHO BANK, LTD. – Chi
nhánh Thành phố Hà Nội

**BÊN B (CUNG CẤP DỊCH VỤ): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG
MẠI VƯƠNG ĐẠT**

Địa chỉ : Xóm 1, thôn Xà Cầu, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hoà, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0967350199

Mã số thuế : 0109803703

Đại diện : **Ông Vương Văn Đạt**

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng với điều khoản dưới đây:

ĐIỀU I: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên B sẽ cung cấp dịch vụ Dịch vụ thu mua phế liệu của Bên A tại địa điểm:

Địa chỉ: Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam – Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

Bên B cung cấp dịch vụ thu mua phế liệu với đơn giá như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Sắt, tôn, nhôm	Kg		8,000		
2	Nhựa	Kg		5,000		
3	Khay nhựa trắng	Kg		5,000		
4	Khay nhựa đen	Kg		4,000		
5	Bìa carton	Kg		2,000		
6	Nilon	Kg		4,500		
7	Giấy A4 tái chế	Kg		2,000		
8	Giấy lót	Kg		2,000		

- Bên B đảm bảo thu gom phế liệu trong vòng 24 giờ sau khi Bên A thông báo, sử dụng phương tiện chuyên dụng, không gây rơi vãi hoặc ô nhiễm.

2. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.
- Thanh toán ngay trong ngày thu gom phế liệu sau khi hai bên thống nhất khối lượng

ĐIỀU II: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của Bên B:

1.1 Trách nhiệm quản lý:

- Có trách nhiệm cung cấp dịch vụ thu mua phế liệu với nhu cầu thực tế của bên A.
- Có trách nhiệm đồng kiểm với bên A.
- Bên B không tiết lộ thông tin của Bên A cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào.
- Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển phế liệu sau khi hai bên đồng kiểm và thống nhất khối lượng.

2. Trách nhiệm của Bên A

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện theo hợp đồng.

- Có trách nhiệm giúp đỡ Bên B như cung cấp điện, nước, kho để đồ trong quá trình nhân viên của Bên B thực hiện công việc.

- Chịu trách nhiệm vệ sinh môi trường, an ninh, an toàn cho nhân viên của Bên B.

- Cung cấp nơi gửi xe miễn phí cho nhân viên bên B

- Có trách nhiệm thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cung cấp thực tế của Bên B theo

Điều I của hợp đồng ngay trong ngày hai bên ký Biên bản nghiệm

ĐIỀU III: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

1. Tranh chấp:

- Mọi mâu thuẫn, bất đồng và khiếu kiện phát sinh liên quan đến Hợp đồng này phải được giải quyết trước hết bằng tham khảo và thương lượng trên tinh thần thiện chí và hợp tác giữa các bên.

- Nếu các bên không hòa giải thiện chí được trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày có thông báo hòa giải đầu tiên của một Bên, vụ việc sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tổ tụng của Trung tâm này. Địa điểm tiến hành tại Hà Nội. Quyết định của Trọng tài có giá trị chung thẩm ràng buộc tất cả các Bên.

2. Sự phối hợp giữa hai bên:

Các vấn đề và yêu cầu phát sinh sẽ được hai bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng này để quy định cụ thể về nội dung công việc, kết quả, khối lượng, thời gian, kinh phí và thanh toán liên quan nếu có. Nếu không được chỉ rõ sự thay đổi thì mọi điều khoản chung của hợp đồng sẽ được áp dụng cho các phụ lục ký thêm.

ĐIỀU IV: SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

- Bất khả kháng là sự kiện khách quan, không lường trước và không khắc phục được (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, lệnh cấm thu gom phế liệu của cơ quan nhà nước), khiến một bên không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

- Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản kèm bằng chứng trong 5 ngày kể từ khi xảy ra bất khả kháng.

- Các bên được miễn trách nhiệm đối với nghĩa vụ không thực hiện được. Bên A không phải thanh toán cho dịch vụ chưa thực hiện. Thanh toán cho dịch vụ đã thực hiện thực hiện theo Điều I.

339

IG

LIỆM

ỦN

FN

HỒ

MAI
AT
P. HÀ

- Nếu bất khả kháng kéo dài quá 30 ngày, các bên có thể đàm phán tạm hoãn hoặc chấm dứt hợp đồng. Nếu chấm dứt, Bên B hoàn trả các khoản thanh toán trước (nếu có) trong 7 ngày.

ĐIỀU V: THỜI HẠN, HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được tự động gia hạn hàng năm nếu các bên không có thông báo khác bằng văn bản.

- Hợp đồng kết thúc khi Bên B hoàn thành công việc và Bên A thanh toán giá trị tiền trên Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý ngang nhau./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TSUBUKI TOMOYOSHI
GENERAL DIRECTOR



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Vương Văn Đạt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2025

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP, NGUY HẠI

Số: 000019./2025/HĐCNDT

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực ngày 10 tháng 1 năm 2022.
- Căn cứ giấy phép Môi trường số: 438/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần MTĐT và Công nghiệp Bắc Sơn được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 30/12/2022.
- Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Hai bên chúng tôi gồm:

I. CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM (BÊN A)

Địa chỉ : Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29
Đại lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 02433688525
Mã số thuế : 0500473396
Người đại diện : Ông Tsubuki Tomoyoshi Chức vụ: Tổng Giám đốc

II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP, NGUY HẠI – CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)

Địa chỉ KD : Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng : Số 2, ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.
giao dịch
Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827
Tài khoản : 113000037652 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
chi nhánh Bắc Thăng Long- PGD Sông Cầu
Mã số thuế : 0102961796
Người đại diện : Ông Trần Vũ Hiệp Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

Ngày lập: 01/06/2025

Người lập: Vũ Trường Giang

HĐCNDT: Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam

Người kiểm tra: Đinh Huy Đức

1

(1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.

(2) Hợp đồng này có thời hạn từ ngày 01 tháng 06 năm 2025 đến ngày 01 tháng 06 năm 2026.

GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

(1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn.

(2) Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu chứa chất thải của Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam.

Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày.

Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 02462.754.826 (Phòng Kinh doanh) hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Đường dây nóng: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 0969.716.336, fax: 02462.754.827.

(3) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

(4) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn - Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, địa chỉ: Thôn 2 – Xã Hồng Kỳ - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội.

ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

(1) Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (*chưa bao gồm thuế VAT*) được áp dụng như sau:

STT	Tên chất thải	Phương pháp xử lý	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Hộp mực in thải	Theo quy định	08 02 04	Kg	6.000
2	Bóng đèn huỳnh quang cháy và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Theo quy định	16 01 06	Kg	8.000
3	Pin, ắc quy thải	Theo quy định	19 06 01	Kg	4.000
4	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải	Theo quy định	17 08 03	Kg	5.000
5	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay	Theo quy	18 02 01	Kg	6.000

	nhiễm các thành phần nguy hại	định			
6	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Theo quy định	17 02 03	Kg	4.000
7	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Theo quy định	18 01 02	Kg	5.000
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Theo quy định	18 01 03	Kg	5.000
9	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	Theo quy định	19 03 01	Kg	5.000
10	Dầu máy gốc khoáng không chứa hợp chất halogen đã qua sử dụng	Theo quy định	07 03 02	Kg	5.000
11	Chất thải y tế	Theo quy định	13 01 01	Kg	8.000
12	Chi phí vận chuyển nếu khối lượng <02 tấn/ chuyến			01 chuyến	1.500.000

(2) Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

(3) Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản. Bên B phải thông báo bằng văn bản trước 15 ngày, kèm bằng chứng, và hai bên thống nhất bằng phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

(1) Theo quy định hiện hành, thuế VAT đối với phí vận chuyển và xử lý chất thải sẽ do Bên A chịu.

(2) Bên A thanh toán toàn bộ số tiền cho Bên B bằng hình thức chuyển trả bằng séc, chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của bên B chậm nhất trong khoảng thời gian 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày cuối tháng hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải và nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ, chứng từ chất thải nguy hại.

(3) Sau 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ và chứng từ chất thải nguy hại nếu bên A không thanh toán đầy đủ cho bên B, bên B sẽ tạm dừng việc vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại cho đến khi bên A thanh toán.

(4) Nếu sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ và chứng từ chất thải nguy hại của bên B mà bên A chưa thanh toán thì bên A phải có công văn thông báo về việc trả chậm cho bên B nếu không bên A sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 4.

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

(1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 2,4 của Hợp đồng.

(2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt).

(3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

(4) Bên A hỗ trợ Bên B trong việc vận chuyển chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng và công nhân trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.

(5) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(6) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

(7) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 5.

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

(1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên. Nếu Bên B không xử lý chất thải đúng quy định hoặc gây ô nhiễm môi trường, Bên B phải bồi thường thiệt hại (bao gồm chi phí phạt môi trường) và khắc phục hậu quả phát sinh.

(2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

(5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

(6) Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi nhà máy của bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

(7) Đảm bảo vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải theo đúng quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam

(8) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó

theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

(9) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

(10) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 6. BẢO MẬT

(1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

(2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

(1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

(2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

(a) Hợp đồng hết hạn; (Hợp đồng hết hạn sẽ được tự động thanh lý mà không cần lập biên bản thanh lý hợp đồng

(b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

(c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 2,4 trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

(1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

(2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

(1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

(a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

(3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(1) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên được thanh ký.

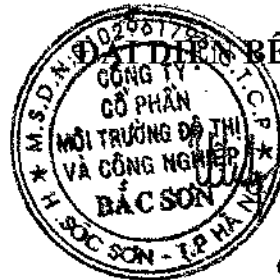
(2) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

(3) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TSUBUKI TOMOYOSHI
GENERAL DIRECTOR



GIÁM ĐỐC
Trần Vũ Hiệp



**HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI
NGUY HẠI**

Giữa

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

Và

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----  -----

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 302.50845

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.;
- Căn cứ vào Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022 ngày 10/01/2022 về quản lý chất thải và phế liệu có hiệu lực từ ngày 10/01/2022
- Căn cứ vào Thông tư số 02/2022 ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày 24 tháng 10 năm 2025, tại Công ty TNHH Môi Trường Ngôi Sao Xanh chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, đại lộ Thăng Long, Hòa Lạc, Hà Nội, Việt Nam

SĐT: 02433688525

MST: 0500473396

Đại diện: Ông **TSUBUKI TOMOYOSHI**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH (sau đây gọi là bên B)

Địa chỉ: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

SĐT: 0222 3717286

Mã số thuế: 2300970940

Đại diện: **VŨ VĂN CƯỜNG**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Tài khoản VND: 113002866088

Tài khoản NH: Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng xử lý vận chuyển rác thải nguy hại với các điều kiện và điều khoản sau :

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau :

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo đúng các quy định pháp luật về quản lý chất thải liên quan của Việt Nam.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương thức xử lý, phương tiện vận chuyển

- Địa điểm giao chất thải: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Tại Công ty TNHH Môi Trường Ngôi Sao Xanh địa chỉ: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh.

- Phương thức xử lý chất thải: Theo đúng các phương án được cấp phép trong Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Môi Trường Ngôi Sao Xanh.
- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đã được Bộ TNMT cấp phép.

Điều 3: Đơn giá xử lý và phương thức thanh toán:

3.1 Đơn giá xử lý chất thải

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1	Hộp mực thải chứa thành phần nguy hại	08 02 04	Chuyến	Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trọn gói 5.0000.000đ/chuyến
2	Mực in thải	08 02 01		
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06		
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03		
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phẩm nguy hại	18 01 03		
6	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01		
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phẩm nguy hại	18 01 02		
8	Bao bì mềm thải nhiễm thành phẩm nguy hại	18 01 01		
9	Rác thải y tế	13 01 01		

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT. Đã bao gồm các chi phí khác có liên quan đến thực hiện dịch vụ.
- Đơn giá nêu trên được áp dụng cho mỗi chuyến thu gom và vận chuyển có khối lượng hàng hóa dưới 1.600 kg. Trường hợp khối lượng thực tế vượt quá giới hạn này, phần khối lượng vượt sẽ được tính thêm phụ phí 5.000 VNĐ cho mỗi ki-lô-gam vượt quá
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có phát sinh phế liệu và chất thải mới thì hai bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục hợp đồng và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

Phương thức và thời gian thanh toán:

- **Thời điểm thanh toán** : bên A thanh toán 50% giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế) cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, với số tiền là **2.500.000 VNĐ** (bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng) ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng.

Mục đích đặt cọc: Số tiền đặt cọc này nhằm đảm bảo cam kết thực hiện hợp đồng của Bên B, đồng thời thể hiện sự nghiêm túc và cam kết của Bên A trong việc hợp tác.

- **Hoàn trả đặt cọc:** Khoản tiền đặt cọc này sẽ được khấu trừ vào giá trị hóa đơn phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng khi bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Trường hợp trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng không phát sinh giao dịch, khoản tiền đặt cọc nói trên sẽ không được hoàn lại cho Bên A.

Trong trường hợp Bên A có yêu cầu thực hiện việc vận chuyển mà Bên B không thực hiện, từ chối vận chuyển theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng, vi phạm các điều khoản Hợp đồng dẫn đến chấm dứt Hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc nói trên cho Bên A trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hoàn trả của Bên A.

- **Trường hợp tranh chấp:** Trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến đặt cọc, hai bên cam kết sẽ thương lượng hòa giải trên tinh thần hợp tác, nếu không giải quyết được sẽ đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thu gom bên B sẽ bàn giao lại cho bên A bộ chứng từ nghiệm thu và hồ sơ thanh toán gồm các giấy tờ sau:

- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành việc xử lý chất thải Chứng từ chất thải
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ

- Bên A thanh toán phí phát sinh bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

Điều 4: Trách nhiệm chung của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Hỗ trợ Bên B trong việc thu gom chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Đảm bảo thành phần chất thải nguy hại đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
- Cử người hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- Ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ cho Bên B bộ chứng từ CTNH sau mỗi lần Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và cân đo khối lượng, quá trình xử lý chất thải của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.

4.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên.
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm sau khi đã nhận chất thải từ bên A.. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại theo đúng các qui định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

- Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.
- Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- Ký xác nhận và trả lại đầy đủ cho Bên A bộ chứng từ CTNH sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải.

Điều 5: Điều khoản chung

- Bảo mật: Các giấy tờ, tài liệu, thông tin trao đổi giữa Bên A và Bên B được coi là thuộc sở hữu của các Bên và các Bên có trách nhiệm giữ bí mật và chỉ được tiết lộ cho người khác nếu được sự đồng ý trước bằng văn bản của phía bên kia.
- Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ hóa học, hai bên cam kết trao đổi một cách công khai cho nhau các thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.
- Bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và việc sửa đổi bổ sung đó là một phần không thể tách rời như là bản chính hay phụ lục bổ sung của hợp đồng này.
- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phải quyết định các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực một năm kể từ Ngày ký
- Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).
- Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 04 (Bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (Hai) bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.



TSUBUKI TOMOYOSHI
GENERAL DIRECTOR



TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC 02

(Đính kèm theo Hợp đồng số: 30250845 ngày 24 tháng 10 năm 2025)

Hôm nay, ngày 13 tháng 03 năm 2026 (“Ngày Ký”), tại trụ sở Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, đại lộ Thăng Long, Hòa Lạc, Hà Nội, Việt Nam

SĐT: 02433688525

MST: 0500473396

Đại diện: Ông **TSUBUKI TOMOYOSHI**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

Địa chỉ : Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Tỉnh Bắc Ninh

Mã số thuế : 2300970940

Đại diện bởi : Ông Vũ Văn Cường

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Tài khoản số : 113002866088 Tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1 : Danh mục chất thải và đơn giá xử lý :

Bên A thuê Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải được liệt kê trong danh mục với đơn giá dưới đây.

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VNĐ)	Ghi chú
1	Thu gom, vận chuyển hệ thống xử lý chất thải nguy hại trọn gói	Lần	8.000.000	

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT. Đã bao gồm các chi phí khác có liên quan đến thực hiện dịch vụ.
- Đơn giá nêu trên được áp dụng cho mỗi chuyến thu gom và vận chuyển có khối lượng hàng hóa dưới 1.600 kg. Trường hợp khối lượng thực tế vượt quá giới hạn này, phần khối lượng vượt sẽ được tính thêm phụ phí 5.000 VNĐ cho mỗi ki-lô-gam vượt quá

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có phát sinh phế liệu và chất thải mới thì hai bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục hợp đồng và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
- Đơn giá dịch vụ được áp dụng tại thời điểm thực hiện Phụ lục Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, đơn giá có thể được điều chỉnh trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất bằng văn bản giữa hai Bên.

Điều 2 : Phương thức và thời gian thanh toán:

- Ngày cuối cùng của mỗi tháng thực hiện thu gom, bên B sẽ bàn giao lại cho bên A bộ chứng từ nghiệm thu và hồ sơ thanh toán gồm các giấy tờ sau:
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành việc xử lý chất thải
 - + Chứng từ chất thải nguy hại
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ
- Bên A thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, thời hạn thanh toán chậm nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh và Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Bên B.

Điều 3: Điều khoản chung

1. Bên B cam kết rằng mình có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các chất thải thuộc bảng nêu trên theo quy định của pháp luật.
2. Phụ lục 02 này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số: **30250845** ngày 13 tháng 03 năm 2026 và có hiệu lực kể từ Ngày Ký.
3. Phụ lục 02 này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TSUBUKI TOMOYOSHI
GENERAL DIRECTOR



ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CƯỜNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 14/XLNT /KTHT-NOBLE

Ngày 01 tháng 11 năm 2022

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29
đại lộ Thăng Long, Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội

Mã số khách hàng

X	L	N	T	0	1	5
---	---	---	---	---	---	---

Giữa

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG

Và

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Bộ luật Dân sự của Quốc hội số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải; Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng ban hành hợp nhất Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu CNC Hòa Lạc đến năm 2030;
- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Thông tư số 32/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;
- Quyết định số 66/QĐ-CNCHL ngày 28/6/2019 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;
- Quyết định số 27/QĐ-CNCHL ngày 15/3/2022 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc điều chỉnh mức thu tiền xử lý nước Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;
- Giấy Chứng nhận đầu tư số 012043000039 ngày 14/04/2011 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp cho Công ty Cổ phần công nghiệp thông tin Teikoku Tsushin Kogyo để thực hiện dự án Công ty TNHH điện tử Noble Việt Nam;
- Hợp đồng thuê lại đất tại khu công nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc số 76A/HĐTD/TL ngày 20/12/2005 với Công ty cổ phần ĐTXD & phát triển hạ tầng Vinaconex (Vinaconex34) về việc cho thuê đất thực hiện dự án;
- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết cơ sở “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam” số 1172/QĐ-STNMT ngày 30/12/2014 của Sở tài nguyên môi trường Thành phố Hà Nội cấp;

- Văn bản số 6332/STNMT-CCMT ngày 07/10/2015 của Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội về việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất – Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam”;

- Biên bản thỏa thuận đấu nối số 012312/BBTT/HHTP-NEV ngày 26/12/2014, công văn số 54/CNCHL-QHXDMT ngày 23/01/2015 của Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc về việc chấp thuận đấu nối tạm hệ thống nước thải vào hệ thống nước thải chung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

PHẦN II. CÁC CHỦ THỂ HỢP ĐỒNG

Bên A: Ban Quản lý các Dự án và Khai thác hạ tầng

- Tên người đại diện: Lê Thanh Sơn - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84 24) 33 686 481 - Email: kttht@hhtp.gov.vn
- Số tài khoản: 1302201050415 - Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung Yên
- Mã số thuế: 0103435891

Bên B: Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam

- Tên người đại diện: Nomura Osamu - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội
- Điện thoại: 02433688525 - Email: info-nev@noble-g.com
- Số tài khoản: H15-795-002855 - Tại Ngân hàng: MIZUHO BANK, LTD. – Chi nhánh Thành phố Hà Nội
- Mã số thuế: 0500473396

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (sau đây gọi tắt là Hợp đồng dịch vụ thoát nước) với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Điểm đấu nối

Bên B hiện là đơn vị đang hoạt động tại Khu CNC Hòa Lạc và xả thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu CNC Hòa Lạc, với điểm đấu nối cụ thể như sau:

STT	Tên ga, vị trí	Cao độ ga theo hạ tầng chung	Cao độ đầu nối	Đường kính ống đầu nối	Vật liệu ống đầu nối
1	D82 X:	+9.68	-1.1	D110	Ống nhựa PVC

STT	Tên ga, vị trí	Cao độ ga theo hạ tầng chung	Cao độ đầu nổi	Đường kính ống đầu nổi	Vật liệu ống đầu nổi
	Y:				
2	D79-1 X: Y:	+9.47	-0.75	D315	Ống nhựa PVC

Bên B cam kết đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về đầu nổi theo quy định của pháp luật và quy định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc.

Điều 2. Khối lượng nước thải

Khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch theo hóa đơn tiền nước do Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội cung cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy chế bảo vệ môi trường Khu CNC Hòa Lạc.

Điều 3. Chất lượng nước thải

1. Bên B phải thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về quản lý nước thải tại Quy chế bảo vệ môi trường Khu CNC Hòa Lạc ban hành kèm theo Quyết định số 66/QĐ-CNCHL ngày 28/6/2019 của Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bên B cam kết thực hiện thu gom toàn bộ khối lượng nước thải phát sinh theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này và xử lý sơ bộ đạt yêu cầu chất lượng quy định tại Phụ lục I Quy chế bảo vệ môi trường Khu CNC Hòa Lạc trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu CNC Hòa Lạc.

3. Bên A xác định hàm lượng COD trung bình trong nước thải tại điểm đầu nổi của Bên B làm căn cứ để xác định tiền xử lý nước thải của Bên B.

4. Trong quá trình quản lý, vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu CNC Hòa Lạc, định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất, Bên A sẽ tiến hành lấy mẫu nước thải tại điểm đầu nổi (với sự chứng kiến của Bên B) và phân tích để kiểm tra lại hàm lượng COD và các thông số ô nhiễm khác (nếu cần thiết).

Trường hợp Bên B không chấp nhận kết quả lấy mẫu, phân tích nước thải của Bên A, Bên B có quyền thuê một đơn vị khác có đầy đủ năng lực theo quy định để thực hiện việc lấy mẫu và phân tích chỉ số COD và các chỉ số khác làm đối chứng. Chi phí cho việc lấy mẫu, phân tích do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp hàm lượng COD trong nước thải sau khi phân tích có sự sai khác so với hàm lượng COD đã xác định tại khoản 3 Điều này dẫn đến mức thu tiền xử lý nước thải có sự thay đổi, Bên A và Bên B lập Phụ lục Hợp đồng để thống nhất lại hàm lượng COD và điều chỉnh mức thu tiền xử lý nước thải áp dụng đối với Bên B.

5. Trường hợp hàm lượng các chất ô nhiễm khác (ngoài hàm lượng COD) vượt quá giá trị tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bên B cần thực hiện theo đúng quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 10 Quy chế bảo vệ môi trường Khu CNC Hòa Lạc.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ

Bên A có trách nhiệm tổ chức việc thu gom nước thải từ điểm đầu nổi của Bên B và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu CNC Hòa Lạc để xử lý nước thải đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội”, cột A với các hệ số $K_q=1$ và $K_f=0,9$ trước khi thải vào mương thoát nước để đổ vào sông Tích.

Điều 5. Ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

1. Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với Bên B trong trường hợp Bên B xả thải không đúng điểm đầu nổi đã được thỏa thuận, không xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu chất lượng theo Quy chế bảo vệ môi trường của Khu CNC Hòa Lạc (kể cả trường hợp có sự cố của trạm xử lý nước thải cục bộ của Bên B) mà đã được Bên A thông báo bằng văn bản về việc vi phạm và yêu cầu khắc phục nhưng Bên B không chấp hành.

2. Trong thời gian tối đa 03 ngày kể từ ngày tạm ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại khoản 1 Điều này, trường hợp Bên B vẫn không khắc phục tình trạng vi phạm, Bên A sẽ báo cáo Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc để lập hồ sơ chuyển Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm của Bên B theo quy định của pháp luật.

3. Bên B có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A và các bên liên quan (nếu có) do các hành vi vi phạm gây ra, đồng thời bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra.

4. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải sẽ được Bên A khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra và hoàn thành các nghĩa vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

5. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, Bên A phải có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước. Đồng thời Bên A phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Bên B và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại điểm đầu nổi của Bên B để xử lý đạt chất lượng theo Điều 4 Hợp đồng này trước khi thải ra môi trường bên ngoài Khu CNC Hòa Lạc.

2. Theo dõi, giám sát hoạt động xả thải của Bên B vào điểm đầu nổi theo đúng Hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký kết. Định kỳ và đột xuất kiểm tra, giám sát, lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải của Bên B. Lập biên bản xử lý và báo cáo Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc khi phát hiện trường hợp xử lý nước thải của Bên B không đạt yêu cầu khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Xác định tiền xử lý nước thải của Bên B. Ban hành Thông báo tiền xử lý nước thải và thu tiền xử lý nước thải của Bên B vào tài khoản của Bên A.

4. Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của Bên B và nộp vào ngân sách nhà nước trên cơ sở quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn thực hiện của Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế bảo vệ môi trường Khu CNC Hòa Lạc và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Thực hiện đầu nối và xả nước thải đã được xử lý sơ bộ đạt yêu cầu chất lượng vào điểm đầu nối đã được thỏa thuận.

2. Được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này.

3. Trả tiền xử lý nước thải đầy đủ và đúng hạn vào tài khoản của Bên A theo Thông báo của Bên A.

4. Nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật và của Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế bảo vệ môi trường Khu CNC Hòa Lạc và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Tiền xử lý nước thải và phương thức thanh toán

1. Mức thu tiền xử lý nước thải (chưa bao gồm thuế VAT và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) tương ứng với các mức hàm lượng COD trung bình trong nước thải đo tại điểm đầu nối nước thải của Bên B với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu CNC Hòa Lạc, cụ thể như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K	Mức thu tiền xử lý nước thải (chưa bao gồm thuế VAT và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) (đồng/m ³)
1	$COD \leq 150$	1,0	3.500
2	$151 \leq COD \leq 200$	1,5	5.250
3	$201 \leq COD \leq 300$	2,0	7.000
4	$301 \leq COD \leq 400$	2,5	8.750
5	$401 \leq COD \leq 600$	3,5	12.250
6	$COD > 600$	4,5	15.750

2. Việc xác định hàm lượng COD trung bình trong nước thải tại điểm đầu nối theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 3 Hợp đồng này (làm căn cứ để xác định tiền xử lý nước thải) sẽ được hai bên thống nhất ký tại các Phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

3. Phương thức thanh toán:

- Đối với tiền xử lý nước thải từ tháng 1/2022 đến tháng 10/2022, Bên A sẽ triển khai thu sau khi Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc ban hành thông báo thu tiền hoặc có văn bản hướng dẫn cách thức thực hiện văn bản số 618/CNCHL-QHXDMT ngày 21/9/2021 về kế hoạch thu tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải tại Khu CNC Hòa Lạc.

- Đối với tiền xử lý nước thải từ tháng 11/2022 trở đi, hàng tháng Bên A sẽ gửi Bên B thông báo số tiền xử lý nước thải trên cơ sở hàm lượng COD đã được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và khối lượng nước thải theo Điều 2 Hợp đồng này.

- Trong thời gian tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo tiền xử lý nước thải, Bên B có trách nhiệm chuyển khoản thanh toán cho Bên A đầy đủ số tiền theo thông báo (Bên B chịu mọi chi phí trong quá trình thanh toán cho Bên A). Sau khi nhận được đầy đủ số tiền Bên B thanh toán, Bên A sẽ xuất hóa đơn tài chính cho Bên B.

Điều 9. Sửa đổi hợp đồng

Mức thu tiền xử lý nước thải tại Khoản 1 Điều 8 hợp đồng này sẽ được thay đổi khi có quyết định điều chỉnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp hai bên thấy cần thiết phải sửa đổi/ điều chỉnh/ bổ sung các điều khoản của hợp đồng và trường hợp xác định lại hàm lượng COD như đã nêu tại khoản 4 Điều 3 Hợp đồng này, các Bên sẽ lập Phụ lục hợp đồng do đại diện của hai bên ký. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng

1. Các tranh chấp và vi phạm hợp đồng sẽ được các bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các bên không tự xử lý được, Bên A sẽ báo cáo Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc để giải quyết.

2. Trường hợp các tranh chấp và vi phạm hợp đồng không giải quyết được theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều này, các bên sẽ đưa ra Trọng tài để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Hợp đồng này có hiệu lực cho đến khi hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng hoặc tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

Các tài liệu đính kèm

- Quyết định số 66/QĐ-CNCHL ngày 28/6/2019 của Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường Khu CNC Hòa Lạc;

- Biên bản thỏa thuận đầu nối số 012312/BBTT/HHTP-NEV ngày 26/12/2014 giữa BQL Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Sơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

NOMURA OSAMU
GENERAL DIRECTOR

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 01/PLHD/KTHT-NOBLE ngày 19 tháng 12 năm 2022

(Kèm theo Hợp đồng Dịch vụ thoát nước và Xử lý nước thải số: 14/XLNT/KTHT-NOBLE ngày 01/11/2022)

Phần I. CĂN CỨ:

- Hợp đồng Dịch vụ thoát nước và Xử lý nước thải số 14/XLNT/KTHT-NOBLE ngày 01 tháng 11 năm 2022;
- Kết quả quan trắc môi trường số: 04/167/TTQT-2022 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Viện Khoa học và Công nghệ môi trường.

Phần II. THÀNH PHẦN:

Bên A: Ban Quản lý các Dự án và Khai thác hạ tầng

- Tên người đại diện: **Lê Thanh Sơn** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84 24) 33 686 481 - Email: ktht@hhttp.gov.vn
- Số tài khoản: 130 220 105 0415 - Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung Yên
- Mã số thuế: 0103435891

Bên B: Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam

- Tên người đại diện: Nomura Osamu - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội
- Điện thoại: 02433688525 - Email: info-nev@noble-g.com
- Số tài khoản: H15-795-002855 - Tại Ngân hàng: MIZUHO BANK, LTD. – Chi nhánh Thành phố Hà Nội
- Mã số thuế: 0500473396

Phần III. NỘI DUNG:

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng Dịch vụ thoát nước và Xử lý nước thải số 14/XLNT/KTHT-NOBLE ngày 01/11/2022 với các nội dung như sau:

Điều 1. Hàm lượng COD và mức thu tiền xử lý nước thải

Hàm lượng COD và mức thu tiền xử lý nước thải tương ứng làm cơ sở để Bên A thu và Bên B nộp tiền xử lý nước thải cụ thể như sau:

Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K	Mức thu tiền xử lý nước thải (chưa bao gồm thuế GTGT và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) (đồng/m ³)
639	4,5	15.750

Điều 2. Điều khoản chung

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Dịch vụ thoát nước và Xử lý nước thải 14/XLNT/KTHT- NOBLE ngày 01/11/2022.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong Phụ lục hợp đồng này và Hợp đồng Dịch vụ thoát nước và Xử lý nước thải 14/XLNT/KTHT- NOBLE ngày 01/11/2022.

Việc điều chỉnh/ sửa đổi Điều 1 Phụ lục hợp đồng này (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 8, Điều 9 Hợp đồng Dịch vụ thoát nước và Xử lý nước thải 14/XLNT/KTHT-NOBLE ngày 01/11/2022.

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 (ba) bản, bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

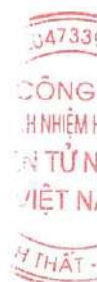
GIÁM ĐỐC

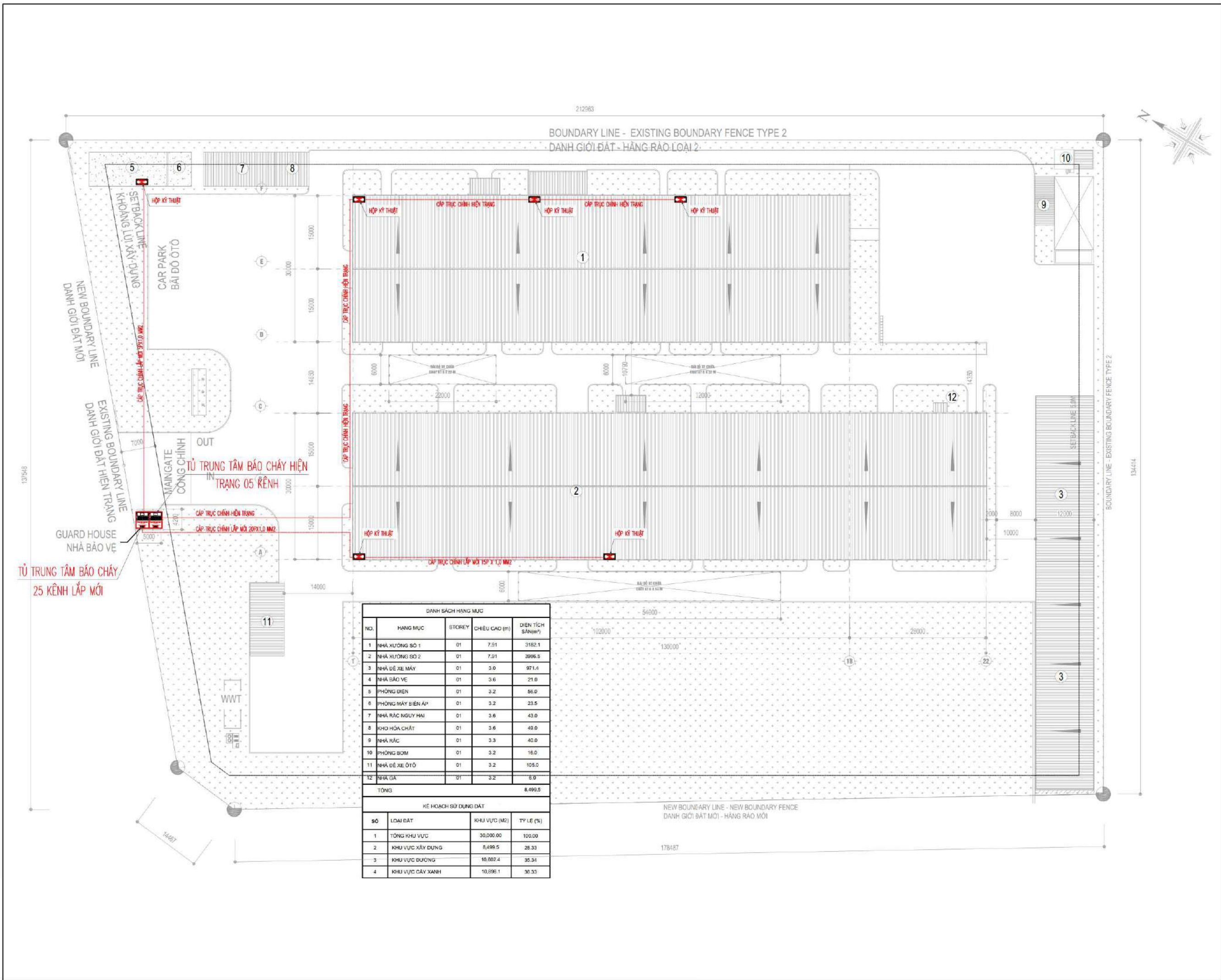
Lê Thanh Sơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

NOMURA OSAMU
GENERAL DIRECTOR





NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1

2

3

CHỦ ĐẦU TƯ:

NOBLE

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ:
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HÒA LẠC, TP. HÀ NỘI, VN

DỰ ÁN:

NHÀ MÁY ĐIỆN TỬ NOBLE VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HÒA LẠC, TP. HÀ NỘI, VN

CÔNG TRÌNH

CÀI TẠO, BỔ SUNG HỆ THỐNG PCCC NHÀ XƯỞNG 1 VÀ NHÀ XƯỞNG 2

ĐƠN VỊ TỔNG THẦU

CÔNG TY TNHH TOYO QUỐC TẾ

TOYO INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ:
TẦNG 15, TÒA NHÀ IDC MỸ DÌNH, SỐ 15 ĐƯỜNG PHẠM HÙNG PHƯƠNG CẦU GIẤY, TP. HÀ NỘI, VN

GIÁM ĐỐC

THÀNH QUANG TRUNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

TP

CÔNG TY TNHH TM&XD LÊ PHAN

ĐỊA CHỈ:
LK11 KHU ĐẤT DỊCH VỤ LK6, LK7, LK10, LK11 B30-TT18 KĐT VĂN QUÁN, PHƯỜNG PHÚC LA, TP. HÀ NỘI, VN

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỒNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

LÊ ĐỒNG

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN HƯNG

KIỂM TRA

LÊ ĐỒNG

GIẢI ĐOẠN DỰ ÁN:

THIẾT KẾ KỸ THUẬT

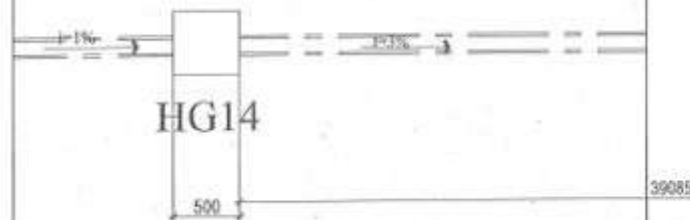
TÊN BẢN VẼ:

TỶ LỆ:

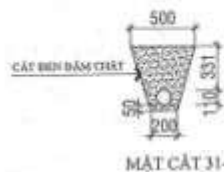
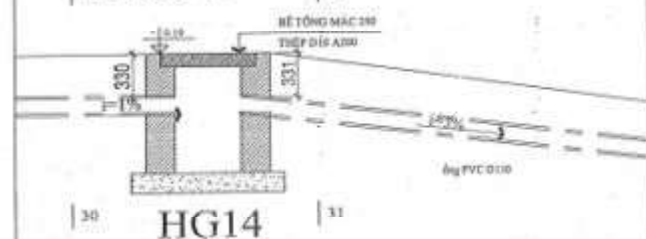
SỐ HIỆU: FA-02

LẦN XUẤT BẢN:

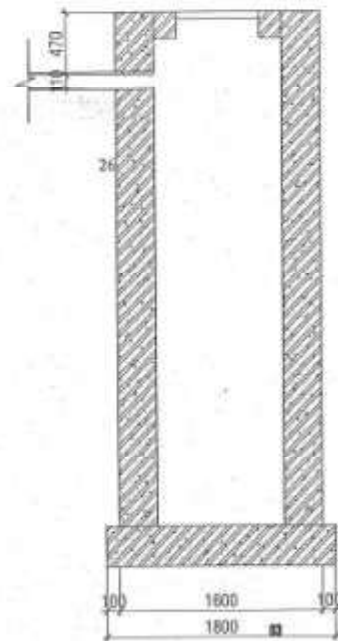
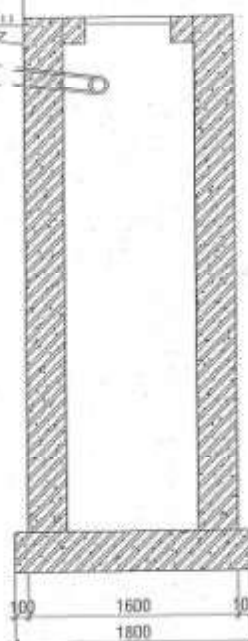
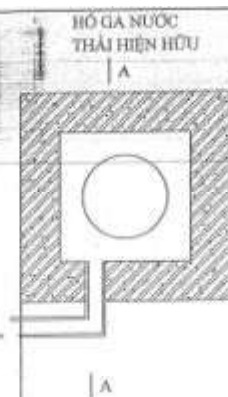
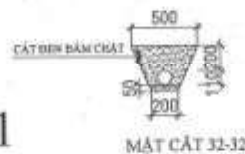
HOÀN THÀNH: 12/2025



MẶT BẰNG ĐIỂM ĐẦU NỒI 1



MẶT CẮT DỌC ĐIỂM ĐẦU NỒI 1

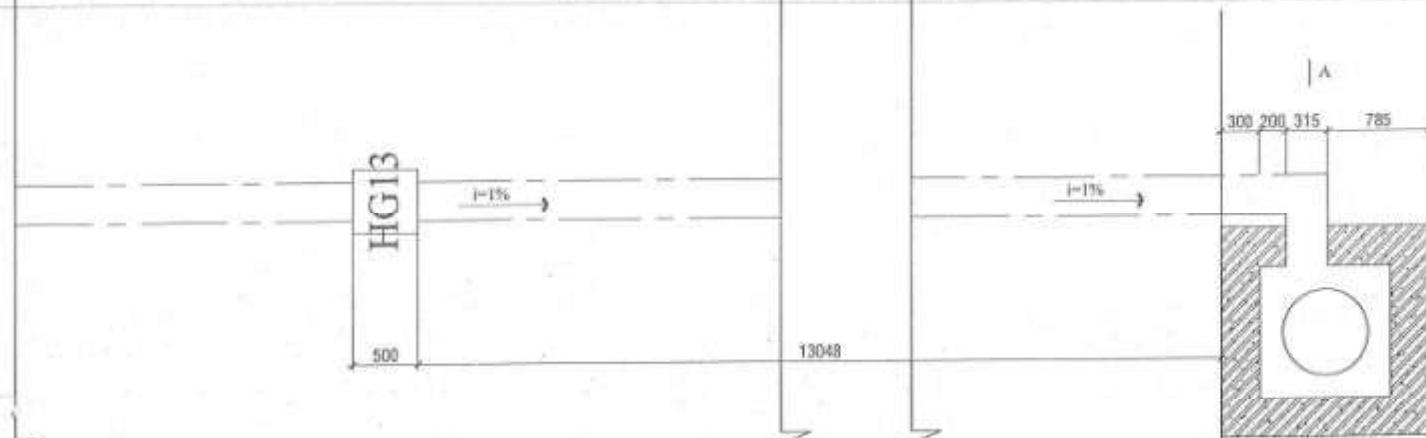


CHỖ TRƯNG BÀY
CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NGUYỄN VIỆT NAM

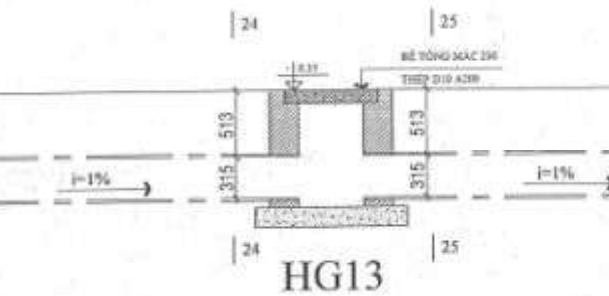
CHỖ TRƯNG BÀY
CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NGUYỄN VIỆT NAM

CHỖ TRƯNG BÀY
CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ NGUYỄN VIỆT NAM

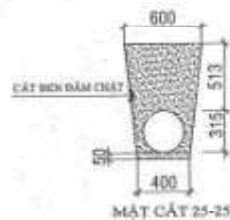
MẶT BẰNG ĐIỂM ĐẦU NỐI 2



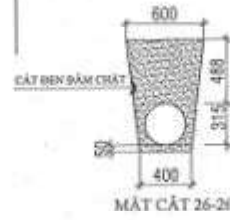
HỒ GA NƯỚC
THẢI HIỆN HỮU



HG13

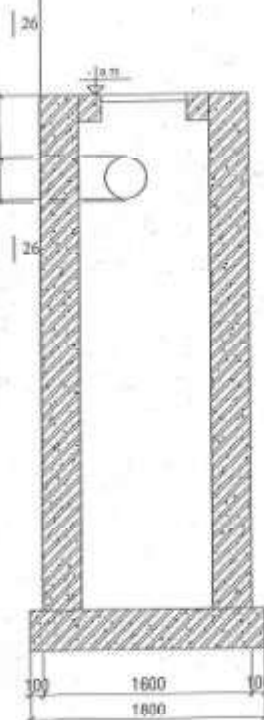


MẶT CẮT 25-25

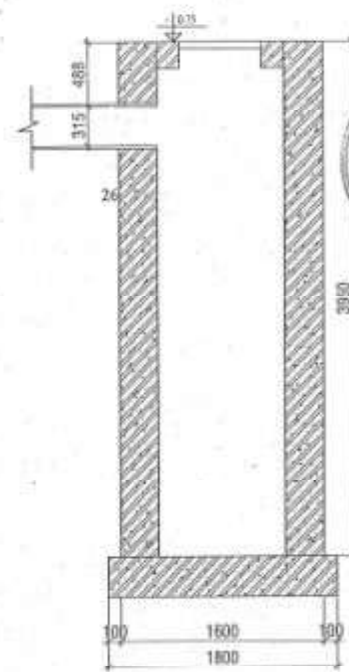


MẶT CẮT 26-26

MẶT CẮT DỌC ĐIỂM ĐẦU NỐI 2



MẶT CẮT A-A



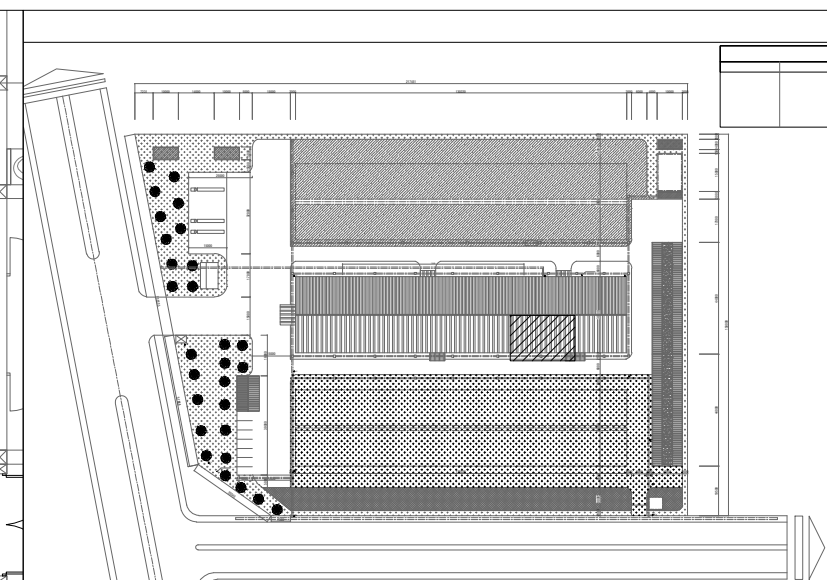
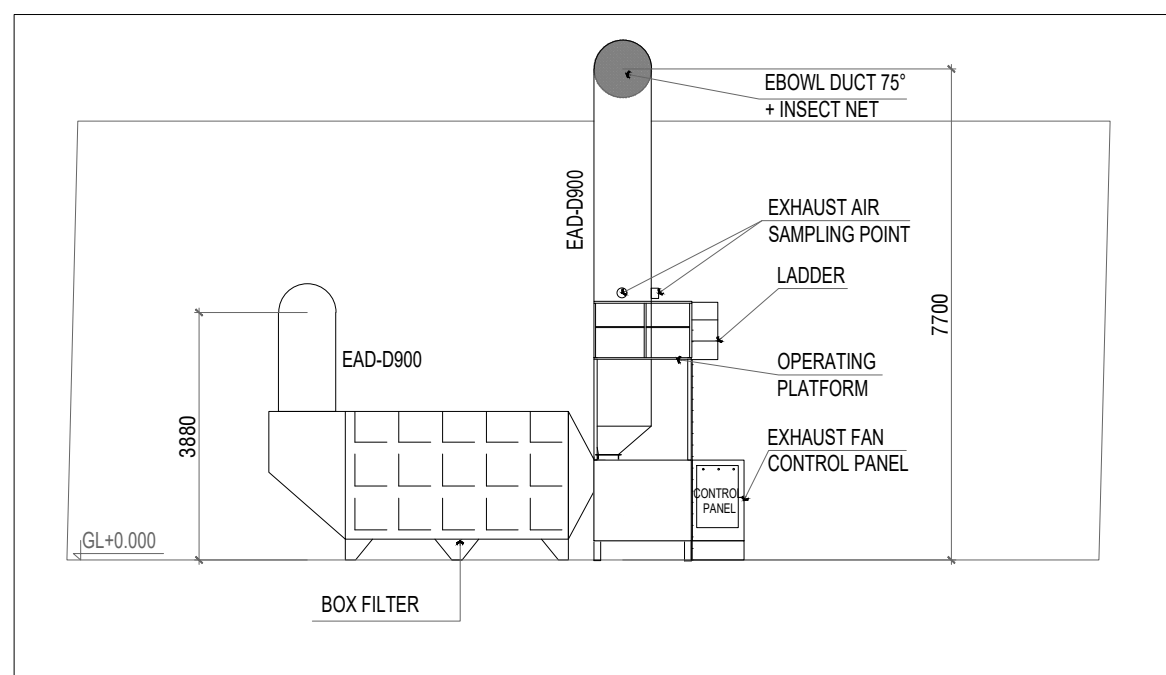
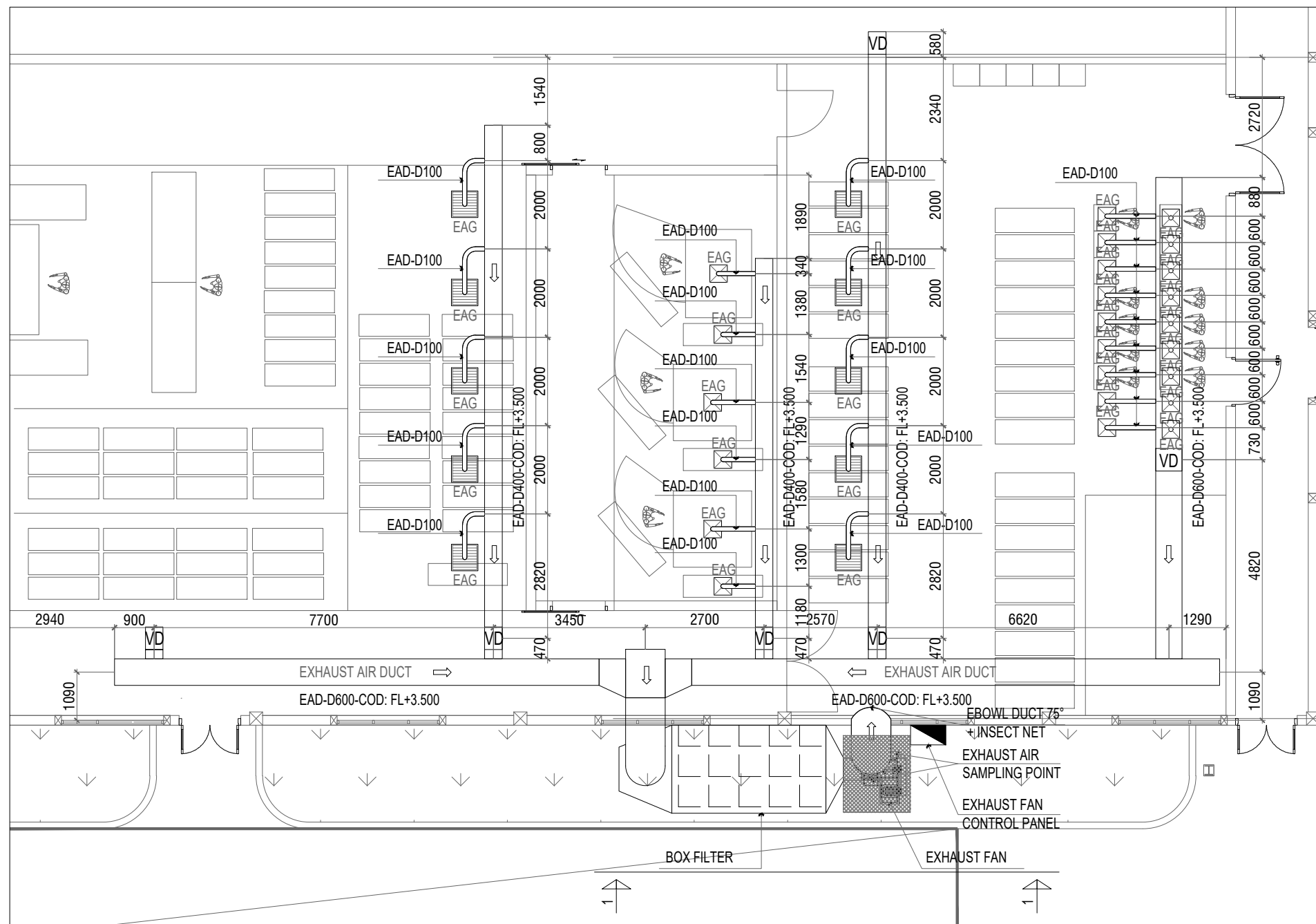
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH VIỆT NAM



NGƯỜI THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN AN

NGƯỜI KIỂM TRA: NGUYỄN VĂN AN

NGƯỜI CHẤM DẤU: NGUYỄN VĂN AN

[illegible]